

Số: 58/TM-BVVĐ

Vân Đồn, ngày 24 tháng 06 năm 2026

V/v cung cấp báo giá Thuê phần
mềm quản lý thông tin Bệnh viện
quý III/ 2026 tại Bệnh viện Đa
khoa khu vực Vân Đồn

THƯ MỜI CUNG CẤP BÁO GIÁ

**Cung cấp báo giá Thuê phần mềm quản lý thông tin Bệnh viện quý III/ 2026 tại
Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn**

Kính gửi: Các Quý Công ty/Đơn vị

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 771/QĐ-SYT ngày 16/6/2026 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 (đợt 11) thực hiện nhiệm vụ: Thuê dịch vụ phần mềm và dịch vụ bảo trì phần mềm cho các đơn vị trực thuộc

Hiện Đơn vị đang thực hiện kế hoạch Thuê phần mềm quản lý thông tin Bệnh viện quý III/ 2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch Thuê phần mềm quản lý thông tin Bệnh viện quý III/ 2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn;

Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn kính mời các đơn vị cung cấp báo giá Thuê phần mềm quản lý thông tin Bệnh viện quý III/ 2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn, Địa chỉ: Thôn 12, Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Nguyễn Thành Long – phòng Tổ chức Hành chính, Số điện thoại: 0919.031.699.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Địa chỉ tiếp nhận: Bản báo giá, bản scan về địa chỉ email: tchc@benhviendkkvvandon.vn.

Đồng thời bản ký, đóng dấu hợp pháp được gửi qua đường công văn về địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính, Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn - Địa chỉ: Thôn 12, Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ ngày 24/6/2026 đến trước 16h30 ngày 30/6/2026.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày 29/05/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Nội dung: Thuê phần mềm quản lý thông tin Bệnh viện quý III/ 2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn (phụ lục 01 kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, thực hiện: Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn

3. Hồ sơ chào giá cung cấp Thuê phần mềm quản lý thông tin Bệnh viện quý III/ 2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn chi tiết tối thiểu bao gồm:

- Đơn (Báo giá) chào giá;

- Hồ sơ năng lực

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Bệnh viện xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu: VT.



Nguyễn Huy Tiến

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Thư mời số 58/TM-BVVĐ ngày 24/6/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn)

STT	Danh mục dịch vụ	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Phần mềm quản lý thông tin bệnh viện (Quản lý bệnh viện (HIS,LIS), quản lý hồ sơ bệnh án điện tử(EMR), Lưu trữ và truyền tải hình ảnh VRIMAGE(PACS))	Tháng	03	

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Thư mời số 58/TM-BVVD ngày 24/6/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn)

I. Phần mềm HIS, LIS

STT	Tên chức năng	
I	PHÂN HỆ ĐĂNG KÝ KHÁM CHỮA BỆNH	
1	Tạo lập, cập nhật thông tin bệnh nhân	Bao gồm bệnh nhân BHYT, Thu phí, miễn phí, khám sức khỏe,...
2	Kiểm tra, lưu thông tin thông tuyến công BHXH	Cập nhật các thông tin lấy từ cổng BHXH: Thông tin hành chính, thông tin thẻ BHYT. Chụp ảnh màn hình tra cứu thông tuyến, lưu lại sau đối chiếu bảo hiểm khi cần
3	Kết nối đầu đọc mã vạch	Quét mã vạch thẻ BHYT
4	In mã vạch dán hồ sơ bệnh án	In theo mã bệnh khám chữa bệnh
5	Lấy lại thông tin bệnh nhân theo mã thẻ BHYT, mã khám chữa bệnh, mã bệnh nhân	Lấy lại thông tin lần trước khi đăng ký mới bệnh nhân
6	Đăng ký thêm thẻ bảo hiểm mới	Bệnh nhân dùng nhiều thẻ bảo hiểm trong 1 lần khám chữa bệnh
7	Chụp ảnh người bệnh hoặc ảnh Chứng minh thư	
8	Xuất gói dịch vụ mặc định khi đăng ký khám mới	Xuất các gói chi phí như: Khám sức khỏe, tiểu đường,...
9	Xác nhận bệnh nhân được thanh toán bảo hiểm 100%	
10	Nhập thông tin sinh tồn của bệnh nhân	Nhập khi thực hiện đo thông tin sinh tồn tại quầy đăng ký
11	Nhập thông tin triệu chứng của bệnh nhân	

STT	Tên chức năng	
12	Nhập lại ngày áp dụng thẻ	Áp dụng cho bệnh nhân nhiều thẻ BHYT trong một lần khám
13	Đăng ký khám bệnh nhiều phòng khám	Bệnh nhân đăng ký khám nhiều phòng 1 lúc
14	Chỉ định dịch vụ yêu cầu	Bệnh nhân không đăng ký vào phòng khám mà yêu cầu thực hiện dịch vụ
15	Xác nhận/ Hủy xác nhận bệnh nhân ưu tiên	Để ưu tiên khám, làm dịch vụ
16	Xác nhận/ Hủy xác nhận bệnh nhân viện phí có thẻ BHYT	Đối với tuyến tỉnh bệnh nhân BHYT khám ngoại trú như viện phí, xác nhận để lưu thông tin thẻ BH
17	Tách bệnh án	Khi bệnh nhân đang điều trị (BN thận nhân tạo) hết đợt sẽ tách bệnh án mới
18	Mặc định thông tin khi đăng ký mới bệnh nhân	Thông tin đối tượng, nghề nghiệp,...
19	In phiếu đăng ký khám chữa bệnh	
20	Xem lịch sử khám bệnh	
21	Tìm kiếm theo mã số, họ tên bệnh nhân	
22	Xác nhận cho làm dịch vụ khi chưa đóng tiền đối với bệnh nhân thu phí	Bệnh nhân thu phí phải đóng tiền mới thực hiện được dịch vụ, khi cần thực hiện dịch vụ mà chưa đóng tiền thì thực hiện xác nhận
23	Chuyển đối tượng bệnh nhân khi đã phát sinh chi phí	Chuyển từ Bảo hiểm sang Thu Phí và ngược lại
24	Xem thông tin tổng số bệnh nhân trong các phòng khám	Thực hiện điều phối bệnh nhân giữa các phòng khám cùng chức năng

STT	Tên chức năng	
25	Xem thông tin ai đăng ký, máy đăng ký, thời gian đăng ký thông tin KCB của bệnh nhân	Xem để biết ai thao tác trên thông tin bệnh nhân
26	Cảnh báo thời gian sử dụng còn của đơn thuốc lần khám trước	Khi bệnh nhân đến khám còn thuốc lần khám trước chưa hết thì phần mềm cảnh báo
27	Đăng ký khám bệnh bằng quét căn cước công dân	
28	Phân biệt hình thức đăng ký để báo cáo số liệu	Đăng ký bằng thẻ khám bệnh, thẻ bảo hiểm, thẻ căn cước,...
29	Phân loại nguồn bệnh nhân để thống kê báo cáo	Tự đến, nhân viên giới thiệu, qua các kênh quảng cáo,..
30	Chức năng xác nhận cấp thuốc lao theo công văn 3153 /BYT-BH	Để thực hiện xuất XML BHXH riêng
31	Lấy vân tay người bệnh, người nhà bệnh nhân khi viện đã triển khai EMR	Để thay chữ ký người bệnh
32	Chức năng sinh tiền khám khi đăng ký	Để thực hiện thu trước khi khám bệnh
II	PHÂN HỆ KHÁM BỆNH	
1	Chọn danh sách bệnh nhân: Chờ khám, đã khám, chờ đơn, chuyển tuyến, nhập viện,...	
2	Nhập thông tin Khám bệnh	Các thông tin triệu chứng, dấu hiệu sinh tồn, ...
3	Chỉ định dịch vụ (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN, Thủ thuật, dịch vụ khác), in phiếu chỉ định dịch vụ	

STT	Tên chức năng	
4	Xuất gói dịch vụ, thuốc, vật tư	Xuất danh sách thuốc, vật tư, dịch vụ được khai báo sẵn trong danh mục
5	Chuyển phòng khám/ Nhờ khám	Chuyển bệnh nhân sang phòng khám khác để khám hoặc chuyển sang phòng khám khác nhờ khám xong bệnh nhân quay lại phòng khám cũ
6	Kê đơn thuốc BHYT, đơn thuốc cho BN thu phí, đơn thuốc chương trình, đơn thuốc ngoại viện	Kê thuốc thanh toán BHYT, Kê thuốc bệnh nhân thu phí tự mua, Kê đơn các kho chương trình miễn phí, Kê đơn thuốc bệnh nhân BHYT tự mua ngoài
7	Xuất thuốc, vật tư từ tủ trực	Trường hợp phòng khám có quản lý tủ trực phần mềm cho xuất từ tủ
8	Dự trữ bổ sung tủ trực	Dự trữ bổ sung cơ số tủ trực (Có quản lý theo cơ số)
9	Hoàn trả cơ số tủ trực, lĩnh bù cơ số tủ trực	Trả thuốc từ tủ trực về kho, Lĩnh bù tủ trực lượng thuốc, vật tư đã dùng cho bệnh nhân
10	Quản lý hẹn bệnh nhân tái khám	Hẹn lịch tái khám, xem danh sách tái khám,...
11	Xem lịch sử khám bệnh, lịch sử dùng thuốc	Xem lại lịch sử các lần khám trước, đơn thuốc các lần khám trước đã dùng
12	Chuyển khám giảm tải	Chuyển sang các phòng khám cùng chức năng
13	Đăng ký nhập viện, chuyển tuyến	
14	Khai báo thuốc dị ứng của bệnh nhân	
15	Thông tin tiền sử dị ứng	
16	Xem lịch sử dùng thuốc và lấy lại đơn thuốc cũ	Cho phép sao chép lại đơn thuốc lần trước cho lần khám hiện tại
17	Xem kết quả cận lâm sàng	Kết quả CDHA, Xét nghiệm

STT	Tên chức năng	
18	Chẩn đoán bệnh theo danh mục ICD 10	
19	Ghi diễn giải bệnh	
20	Nhập nguyên nhân gây bệnh	Sử dụng cho những bệnh ICD10 được khai báo phải nhập nguyên nhân gây bệnh
21	Xác nhận bệnh nhân cấp cứu	
22	Kiểm tra tương tác thuốc	Căn cứ danh mục đã khai báo tương tác, khi kê các thuốc có tương tác với nhau phần mềm sẽ thông báo.
23	Cảnh báo kê thuốc, dịch vụ trùng nhau	Khi kê thuốc, dịch vụ đã có trong đơn sẽ cảnh báo
24	Kê khai thông tin tai nạn thương tích, bệnh tật tử vong, sức khỏe sinh sản	
25	Định nghĩa gõ tắt cách dùng thuốc	
26	Chuyển khoản thanh toán chi phí	Xác định chi phí thuộc mục thanh toán nào: BHYT, Bệnh nhân tự trả hoặc Hao phí,...
27	Tra cứu tồn kho	
28	Tra cứu bệnh ICD 10	
29	Dự trù lĩnh hao phí	Lĩnh các hao phí 1 lần như: Băng, băng, cùn, gạc,...
30	Quản lý xin công ốm	
31	Chuyển viện làm cận lâm sàng	Chuyển viện cho bệnh nhân làm CLS (Những dịch vụ mà bệnh viện chưa làm được chuyển sang viện khác)
32	Đề nghị tạm ứng (dành cho điều trị ngoại trú)	Đề nghị số tiền tạm ứng chuyển ra thu phí thực hiện tạm thu cho bệnh nhân

STT	Tên chức năng	
33	In đơn thuốc	
34	In phiếu khám bệnh trước vào viện	
35	In bảng kê chi phí KCB	Bảng kê BHYT, Bảng kê thu phí,...
36	In tờ điều trị	
37	Kết thúc/ hủy kết thúc khám bệnh	Sau khi khám xong thực hiện kết thúc khám để hoàn tất hồ sơ
38	Xem thông tin ai khám, máy khám, thời gian khám bệnh của bệnh nhân	Xem để biết ai khám, khám thời gian nào thực tế
39	Bổ sung chức năng khám sức khỏe lái xe	
40	Điều chỉnh chi phí khám bệnh	Điều chỉnh miễn giảm theo chi phí
41	Quản lý cấp số bệnh án điều trị ngoại trú	Giữ số bệnh án cho những lần khám khác nhau
42	Chức năng hẹn thực hiện Cận lâm sàng	Khám xong bác sĩ có thể hẹn bệnh nhân đến thực hiện dịch vụ sau 1 thời gian điều trị
43	Chức năng cấm khám bệnh khi bác sĩ chưa có chứng chỉ hành nghề	
III	PHÂN HỆ NỘI TRÚ	
1	Tiếp nhận bệnh nhân vào khoa	Thực hiện xếp phòng, giường, nhập thông tin bệnh, bác sĩ điều trị,...
2	Xem Danh sách bệnh nhân: Bệnh nhân đang điều trị, Bệnh nhân chuyển viện, Bệnh nhân đăng ký ra viện, Bệnh nhân thanh toán ra viện	
3	Hiện thị trạng thái của bệnh nhân: Nội trú, Điều trị ngoại trú, ĐK ra viện hay thanh toán ra viện.	

STT	Tên chức năng	
4	Tìm kiếm bệnh nhân theo mã số, họ tên, tuổi, điện thoại, số thẻ BHYT	
5	Xem Lịch sử khám điều trị của bệnh nhân	
6	Chức năng nhờ khám	Chuyển bệnh nhân ra các phòng khám nhờ khám
7	Tra cứu tồn kho của thuốc	
8	Kê thông tin y lệnh (Thuốc, dịch vụ ...)	Lên y lệnh hàng ngày cho bệnh nhân
9	Chỉ định y lệnh cấp cứu	
10	Kê y lệnh bổ sung, y lệnh sau điều trị	
11	Sao chép y lệnh từ một ngày sang nhiều ngày của một bệnh nhân	Tiện ích cho phép thực hiện nhanh hơn
12	Xếp phòng, xếp giường, chuyển phòng, giường cho bệnh nhân	Thực hiện khi bệnh nhân vào khoa và đang nằm điều trị
13	Xuất gói dịch vụ, thuốc, vật tư	Xuất danh sách dịch vụ, thuốc, vật tư được khai báo sẵn trong danh mục
14	Chỉ định Phẫu thuật- thủ thuật	Chỉ định dịch vụ PTTT, chuyển dịch vụ lên phòng mổ chờ duyệt mổ
15	Ghi chú thông tin cho bệnh nhân	Cho phép người dùng ghi chú các thông tin cần thiết cho bệnh nhân
16	Chuyển khoa điều trị, chuyển điều trị kết hợp	Chuyển bệnh nhân sang khoa khác điều trị, hoặc Bệnh nhân được điều trị kết hợp nhiều khoa
17	Đăng ký chuyển tuyến, ra viện	Đăng ký chuyển tuyến, ra viện chờ thanh toán
18	Chuyển khoản thanh toán chi phí	Xác định chi phí thuộc mục thanh toán nào: BHYT, Bệnh nhân tự trả hoặc Hao phí,...

STT	Tên chức năng	
19	Thêm thông tin thẻ BHYT khi bệnh nhân có thẻ BHYT mới	Trường hợp 1 lần điều trị nhiều thẻ BHYT khác nhau
20	Tìm giường bệnh nhân đang nằm	Cho biết bệnh nhân đang nằm phòng nào, giường nào
21	Kê đơn thuốc ngoại viện	Kê đơn thuốc bệnh nhân BHYT tự mua ngoài
22	Xuất thuốc, vật tư từ tủ trực	
23	Dự trữ bổ sung cơ số tủ trực	Dự trữ bổ sung cơ số tủ trực (Có quản lý theo cơ số)
24	Hoàn trả cơ số tủ trực , lĩnh bù cơ số tủ trực	Trả thuốc từ tủ trực về kho. Lĩnh bù tủ trực lượng thuốc, vật tư đã dùng cho bệnh nhân
25	Quản lý hẹn bệnh nhân tái khám	Hẹn lịch tái khám, xem danh sách tái khám,...
26	Đề nghị tạm ứng (dành cho điều trị nội trú)	Đề nghị số tiền tạm ứng chuyển ra thu phí thực hiện tạm thu cho bệnh nhân
27	Tra cứu tồn kho	
28	Tra cứu bệnh ICD 10	
29	Dự trữ lĩnh hao phí	Lĩnh các hao phí 1 lần như: Băng, băng, cùn, gạc,...
30	Quản lý xin công ồm	
31	Chuyển viện làm cận lâm sàng	Chuyển viện cho bệnh nhân làm CLS (Những dịch vụ mà bệnh viện chưa làm được chuyển sang viện khác)
32	Chi định máu	
33	Chi định thuốc, vật tư ký gửi	Thuốc, Vật tư (Đặt tiền) nhà cung cấp ký gửi tại bệnh viện, khi nào sử dụng mới xuất hóa đơn

STT	Tên chức năng	
34	Hội chẩn điều trị	
35	Hội chẩn sử dụng thuốc	
36	Xem kết quả CLS	Kết quả CDHA, Xét nghiệm
37	Hiển thị thông tin chi phí	Chi phí khám chữa bệnh, thu, tạm thu, số tiền kết dư
38	Chẩn đoán bệnh theo danh mục ICD 10	
39	Ngắt quãng chẩn đoán bệnh, Chính sửa thời gian ngắt quãng bệnh	Chuẩn đoán được ngắt quãng theo thời gian
40	Nhập nguyên nhân gây bệnh	Đối với những bệnh ICD 10 được khai báo phải nhập nguyên nhân
41	Xác nhận/ Hủy xác nhận bệnh nhân theo dõi đặc biệt	Khi xem danh sách biết bệnh nào theo dõi đặc biệt để lưu ý
42	Trả lại thuốc, vật tư đã lĩnh. Tổng hợp trả lại thuốc, vật tư	Cho phép trả lại trên từng phiếu lĩnh theo từng bệnh nhân. Hoặc Tổng hợp nhiều phiếu trả lại thành phiếu tổng hợp chung trả cho Dược
43	Tạo và in Phiếu lĩnh thuốc, vật tư	
44	Đề nghị miễn giảm viện phí	
45	Tiền sử dị ứng	
46	Xây dựng phác đồ điều trị. Tạo phác đồ điều trị cho bệnh nhân	Xây dựng thành danh mục
47	Kiểm tra tương tác thuốc	Căn cứ danh mục đã khai báo tương tác, khi kê các thuốc có tương tác với nhau phần mềm sẽ thông báo.
48	Kê khai thông tin tai nạn thương tích, bệnh tật tử vong, sức khỏe sinh sản	
49	Kê khai thông tin trẻ sơ sinh	

STT	Tên chức năng	
50	In bảng kê chi phí KCB	
51	In sổ lên thuốc	
52	In phiếu công khai	
53	In tờ điều trị	
54	In Giấy xác nhận điều trị	
55	Phiếu chỉ định dịch vụ	
56	In theo dõi điều trị	
57	Xem thông tin ai kê y lệnh	Xem để biết ai kê y lệnh, kê máy nào, thời gian nào.
58	Chức năng cấm thực hiện khi bác sĩ chưa có chứng chỉ hành nghề	
59	Chức năng cấm kê y lệnh trùng thời gian trên 1 bệnh nhân	
60	Chức năng cấm kê lẻ thuốc, vật tư	Các thuốc, vật tư không được kê lẻ
61	Chức năng cảnh báo trùng hoạt chất khi kê y lệnh	
62	Bổ sung đơn vị quy đổi để thực hiện in tờ điều trị	Truyền theo MI nhưng đơn vị tính theo Danh mục là Chai
63	Chức năng cấm kê dịch vụ, thuốc không phù hợp chẩn đoán	
64	Chức năng cảnh báo/ cấm thời gian chỉ định dịch vụ tối thiểu	Một số dịch vụ phải đủ thời gian mới được chỉ định làm lại
65	Chức năng thực hiện thủ thuật thường quy	Các Dịch vụ làm tại khoa
66	Chức năng cho phép khoa điều chỉnh chi phí (miễn giảm) cho bệnh nhân	
IV	PHÂN HỆ PHẪU THUẬT – THỦ THUẬT	

STT	Tên chức năng	
1	Chi định dịch vụ phẫu thuật	Kê dịch vụ phẫu thuật thủ, thuật
2	Lên và in lịch Phẫu thuật	
3	Danh sách bệnh nhân PTTT với các trạng thái: chờ PTTT, đã duyệt vào PTTT, đã thực hiện PTTT	Danh sách bệnh nhân chờ duyệt được gửi từ các khoa lên. Danh sách sau khi nhà mổ duyệt mổ
4	Nhập thông tin phương pháp phẫu thuật. Chẩn đoán trước, sau phẫu thuật	Hình thức phẫu thuật, phương pháp phẫu thuật, phương pháp trừ đầu,... Chẩn đoán theo danh mục ICD10
5	Lên danh sách nhân viên thực hiện PTTT	Mổ chính, mổ phụ, gây mê, tít dụng cụ,...
6	Hội chẩn phẫu thuật	Nhập thông tin hội chẩn phẫu thuật
7	In tờ trình phẫu thuật	
8	In Cam đoan Phẫu thuật	
9	Xác nhận cùng ca mổ, kip mổ theo mục 4 - Điều 7, Thông tư 39/2018/TT-BYT.	Cho 2 dịch vụ phẫu thuật trở lên. Tính % thanh toán dịch vụ
10	Đổi dịch vụ phẫu thuật đã kê	Trường hợp chỉ định không đúng với thực tế phòng mổ có thể đổi lại tên dịch vụ khác không cần xóa đi kê lại
11	Lập biểu đồ gây mê	
12	Kê hao phí PTTT	Các thuốc, vật tư dùng trong PTTT
13	Tính lỗ lãi phẫu thuật	Giá dịch vụ trừ đi Hao phí, Phụ cấp để ra lỗ lãi
14	Chỉ định máu	
15	Bổ sung chức năng lấy và chỉnh ảnh lược đồ	Thay cho chỉnh bằng công cụ ngoài như: Paint,...
16	Bổ sung chức năng nhập diễn biến ở tường trình	

STT	Tên chức năng	
V	PHÂN HỆ CẬN LÂM SÀNG CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	
1	Lấy danh sách bệnh nhân chờ làm/ đã làm	Lấy danh sách bệnh nhân, xem chi tiết từng dịch vụ chờ làm, đã làm
2	Tìm kiếm bệnh nhân	Tìm theo mã KCB, họ tên
3	Xác nhận đã làm dịch vụ	Đối với trường hợp không lập kết quả trên phần mềm
4	Lập, sửa, xóa kết quả CLS	Tạo sẵn các mẫu kết quả, mặc định các giá trị, kết nối đến các máy CDHA để lấy hình. Sửa lại kết quả đã lập. Xóa kết quả đã lập
5	Xuất thuốc, vật tư từ tủ trực	Sử dụng cho bệnh nhân khi thực hiện dịch vụ
6	Dự trữ bổ sung tủ trực	Dự trữ bổ sung cơ số tủ trực (Có quản lý theo cơ số)
7	Hoàn trả cơ số tủ trực, lĩnh bù cơ số tủ trực	Trả thuốc từ tủ trực về kho. Lĩnh bù tủ trực lượng thuốc, vật tư đã dùng cho bệnh nhân
8	Xem lịch sử CLS	Xem lịch sử CLS các lần khám trước
9	Duyệt và in kết quả	
10	Đổi dịch vụ CLS	Cho phép đổi sang dịch vụ khác (Ví dụ Chụp có cản quang và không có cản quang)
11	Xem thông tin ai lập kết quả, máy lập kết quả	
12	Khóa số CSL	Khóa số đảm bảo trước thời gian khóa số không bị sai số liệu báo cáo do thêm sửa kết quả
VI	PHÂN HỆ CẬN LÂM SÀNG XÉT NGHIỆM	
1	Tìm kiếm bệnh nhân	Tìm theo mã KCB, họ tên

STT	Tên chức năng	
2	Nhận bệnh phẩm dán mã vạch xét nghiệm	
3	Nhập và duyệt, in kết quả xét nghiệm	Nhập KQ thủ công hoặc tự động lấy kết quả từ hệ thống LIS (Nếu có LIS)
4	Cảnh báo chỉ số bất thường	Bôi đậm, căn trái, căn phải
5	Xuất thuốc, vật tư từ tủ trực	
6	Dự trữ bổ sung tủ trực	Dự trữ bổ sung cơ số tủ trực (Có quản lý theo cơ số)
7	Hoàn trả cơ số tủ trực, lĩnh bù cơ số tủ trực	Trả thuốc từ tủ trực về kho. Lĩnh bù tủ trực lượng thuốc, vật tư đã dùng cho bệnh nhân
8	Xem lịch sử xét nghiệm	Xem lịch sử xét nghiệm các lần khám trước
9	Xem thông tin ai lập kết quả, máy lập kết quả	
10	Quản lý kho máu	Trường hợp Xét nghiệm quản lý kho máu
11	Khóa sổ CSL	Khóa sổ đảm bảo trước thời gian khóa sổ không bị sai số liệu báo cáo do thêm sửa kết quả
VII	PHÂN HỆ QUẢN LÝ DƯỢC	
1	Phiếu nhập kho	Nhập hóa đơn, nhập ký gửi,...
2	Khai báo tồn đầu kỳ	Tồn các kho, tủ trực khi triển khai phần mềm
3	Phiếu xuất kho, luân chuyển kho	Xuất kho lẻ, xuất kho phòng, xuất trả nhà cung cấp,..Luân chuyển các kho, kho đến các tủ trực,...
4	Khai báo, thu hồi cơ số tủ trực	Cơ số ban đầu của các tủ. Thu hồi cơ số tủ đã thiết lập.

STT	Tên chức năng	
5	Duyệt tử trực với các trạng thái: bổ sung cơ số tử trực, trả lại cơ số tử trực, bù tử trực	Các tử trực dự trừ bổ sung cơ số. Các tử trả lại cơ số. Bù lượng đã xuất cho bệnh nhân
6	Khai báo tương đương	Khai báo các thuốc tương đương để bù cơ số khi thuốc cơ số kho đã hết
7	Duyệt dự trừ hao phí các khoa	Các khoa dự trừ hao phí gửi được duyệt
8	Dự trừ mua hàng	Căn cứ số lượng thầu trừ số lượng đã nhập hóa đơn để tính số lượng tiếp tục mua về
9	Duyệt cấp đơn thuốc ngoại trú	Khi bệnh nhân khám bệnh lấy thuốc ở kho thuốc
10	Duyệt trả tồn về kho	Khi bệnh nhân đã thanh toán nhưng bỏ không lấy thuốc
11	Duyệt Phiếu lĩnh	Phiếu lĩnh thuốc, vật tư của các khoa
12	Duyệt phát kho	Thủ kho duyệt khi phát thuốc cho khoa
13	Duyệt bệnh nhân trả lại	Bệnh nhân trả lại từ các phiếu lĩnh khoa đã lĩnh
14	Tra cứu tồn kho	
15	Liệt kê chứng từ nhập xuất	Liệt kê chứng từ nhập kho, xuất kho theo các kho, tử trực
16	Tra cứu thuốc ít dùng	Xem các thuốc cách X ngày không sử dụng
17	Khai báo thông tin thuốc, thông tin hoạt chất	Để các khoa tham khảo thông tin của thuốc
18	Gộp phiếu lĩnh	Cho phép gộp nhiều phiếu lĩnh thành 1 phiếu
19	In số tổng hợp lên thuốc	

STT	Tên chức năng	
20	In phiếu lĩnh thuốc	Phiếu lĩnh thuốc thường, thuốc hướng thân, gây nghiện
21	In công khai thuốc	
22	In phiếu nhập kho, xuất kho	
VIII	PHÂN HỆ QUẢN LÝ VIỆN PHÍ	
1	Kê dịch vụ yêu cầu	Bệnh nhân yêu cầu thực hiện các dịch vụ mà không đăng ký vào khám bệnh
2	Xuất gói dịch vụ	Xuất cả gói dịch vụ cho bệnh nhân khi bệnh nhân yêu cầu dịch vụ
3	Chuyển khoản thanh toán chi phí	Xác định chi phí thuộc mục thanh toán nào: BHYT, Bệnh nhân tự trả hoặc Hao phí,...
4	Xác nhận bệnh nhân theo các tiêu chí như: Người nghèo, Người dân tộc, Bảo hiểm chi trả 100%	Xác nhận nghèo để thực hiện thanh toán hỗ trợ quỹ người nghèo. Xác nhận dân tộc để thực hiện thanh toán quỹ hỗ trợ. Dù thẻ bảo hiểm không phải thẻ 100% khi xác nhận thanh toán bảo hiểm 100%
5	Điều chỉnh chi phí	Thực hiện giảm giá trên tổng chi phí hoặc trên từng dịch vụ
6	Check thông tin thẻ trên công bảo hiểm	
7	Chuyển đổi tượng bệnh nhân	Chuyển từ BHYT sang Thu phí và ngược lại
8	Tạm thu viện phí, thu viện phí	
9	Chi trả lại tiền tạm thu cho bệnh nhân. Chi hoàn ứng	Trường hợp bệnh nhân dư tiền tạm thu. Tự động chi hoàn ứng để thu tiền theo đúng số tiền bệnh nhân phải nộp để xuất hóa đơn

STT	Tên chức năng	
10	Quản lý quyền hóa đơn	Khai báo quyền, khai báo số hóa đơn,...
11	Gộp nhóm kỹ thuật cao	Nhiều chi phí không khai báo theo gói kê lẻ vẫn cho phép gộp vào nhóm kỹ thuật cao để thực hiện thanh toán
12	Nhập chi phí cũ	Sử dụng để nhập các chi phí bệnh nhân đang nằm điều trị trước khi áp dụng phần mềm
13	Thu chi khác không theo bệnh nhân	Thu chi ngoài của bệnh viện
14	Thanh toán, hủy thanh toán viện phí cho bệnh nhân	
15	Tổng hợp thu chi	Tổng hợp thu chi theo thời gian, theo nhân viên
16	Xuất hóa đơn điện tử	Đơn vị sử dụng hóa đơn điện tử
17	Hủy hóa đơn, tổng hợp hủy	Hủy hóa đơn, tổng hợp danh sách các hóa đơn bị hủy
18	Khóa sổ thanh toán	Khóa sổ tránh chỉnh sửa dẫn đến sai các báo cáo đã in
19	In bảng kê chi phí BHYT, bảng kê chi phí ngoài bảo hiểm.	
20	In bảng theo dõi điều trị	
21	In hóa đơn	
22	In phiếu tạm thu, phiếu thu, phiếu chi	
23	Xem thông tin ai thanh toán, hủy thanh toán cho bệnh nhân	
IX	PHÂN HỆ KẾT NỐI BẢO HIỂM Y TẾ	
1	Tra cứu thông tin thẻ bảo hiểm trên cổng BHXH	

STT	Tên chức năng	
2	Khai báo danh mục lỗi cổng BHXH	Các lỗi mà công bảo hiểm sẽ trả ra khi kiểm tra thông tuyến
3	Kiểm tra thông tin thông tuyến bệnh nhân trên cổng BHXH	
4	Xuất File XML bệnh nhân BHYT Nội trú, ngoại trú	
5	Đọc File XML hệ thống xuất ra	
X	PHÂN HỆ QUẢN TRỊ - HỆ THỐNG	
1	Đổi mật khẩu	
2	Khóa màn hình phần mềm tạm thời	- Hỗ trợ người dùng khóa màn hình phần mềm mà không cần phải đăng xuất khỏi hệ thống trong trường hợp phát sinh công việc tạm thời rời khỏi máy tính nhưng vẫn muốn duy trì đăng nhập phần mềm.
3	Cài đặt thông báo trên phần mềm	Dòng chữ chạy trên hệ thống
4	Lưu vết sử dụng	Xem lại lưu vết các xóa sửa trên hệ thống
5	Thiết lập tạm dừng làm việc trên phần mềm ở các máy trạm	Để chỉnh sửa data trên máy chủ khi cần thiết
6	Tự động cập nhật phiên bản phần mềm về máy trạm khi máy chủ update phiên bản mới	
7	Thông báo ở máy trạm khi máy chủ không tự động sao lưu	Thông báo để đơn vị biết kiểm tra sao lưu data tránh mất khi lỗi máy chủ
8	Phân quyền tài khoản người dùng	Cấp tài khoản, phân quyền cho từng User
9	Sao chép phân quyền từ User này cho user khác	

STT	Tên chức năng	
10	Xem lưu vết hệ thống	Xem các lịch sử xóa sửa,...khi user thực hiện xóa sửa thông tin
11	Sao lưu dữ liệu	Backup Data ra thư mục máy chủ hoặc ra ổ cứng ngoài. Hệ thống tự động sao lưu theo thời gian cài đặt.
12	Cài đặt thiết lập hệ thống	Các thiết lập thông số hệ thống
13	Khoa phòng gửi đề nghị lên CNTT	Chức năng cho phép khoa phòng gửi đề nghị chỉnh sửa,... lên cho IT
14	CNTT nhận, xử lý yêu cầu khoa phòng và phản hồi	
XI	PHÂN HỆ QUẢN LÝ DANH MỤC	
	Nhóm danh mục thanh toán:	
1	Danh mục đối tượng bệnh nhân	
2	Danh mục khoản thanh toán	
3	Danh mục tuyến thanh toán	
4	Danh mục hình thức thanh toán	
5	Danh mục quyền thu chi	
6	Danh mục lý do thu chi	
7	Danh mục lý do thu chi khác	
8	Danh mục lý do hủy thu chi	
9	Danh mục thiết lập tỉ lệ tiền khám viện phí	
10	Danh mục thiết lập nguồn chi trả khác	
11	Danh mục nhóm chi tiết in bảng kê thanh toán	

STT	Tên chức năng	
12	Danh mục thiết lập mặc định bảng kê	
13	Danh mục thiết lập thời điểm in bảng kê	
14	Danh mục nhóm tách phiếu thu	
15	Danh mục mức hỗ trợ nghèo	
16	Danh mục số Km hỗ trợ xăng xe người nghèo	
17	Danh mục mức hỗ trợ phụ nữ nghèo sinh con	
18	Danh mục mức trần tuyển đăng ký	
	Nhóm danh mục BHYT	
19	Danh mục mức hưởng bảo hiểm	
20	Danh mục trần kỹ thuật cao	
21	Danh mục mức tiền Stent	
22	Danh mục giá BHYT thuốc, vật tư	
23	Danh mục tỷ lệ thanh toán thuốc vật tư	
24	Danh mục nơi đăng ký khám chữa bệnh	
25	Danh mục hình thức đến khám	
26	Danh mục nơi chuyển đến	
27	Danh mục lý do chuyển tuyến	
28	Danh mục thẻ BHYT	
29	Danh mục mã quyền lợi hưởng BHYT	
30	Danh mục nơi cấp thẻ BHYT	

STT	Tên chức năng	
31	Danh mục lý do bảo hiểm thanh toán 100% chi phí	
	Nhóm danh mục khoa phòng	
32	Danh mục Khoa – Kho	
33	Danh mục Phòng giường	
34	Danh mục chuyên khoa	
35	Danh mục thiết lập liên quan Khoa – Kho	
	Nhóm danh mục phẫu thuật	
36	Danh mục loại phẫu thuật thủ thuật	
37	Danh mục mức hưởng phụ cấp phẫu thuật	
38	Danh mục hình thức phẫu thuật	
39	Danh mục loại tai biến	
40	Danh mục nguyên nhân tai biến	
41	Danh mục phương pháp phẫu thuật	
42	Danh mục phương pháp trừ đau	
43	Danh mục thời điểm tử vong	
44	Danh mục nhóm thực hiện phẫu thuật	
45	Danh mục người thực hiện phẫu thuật	
46	Danh mục trình tự phẫu thuật	
47	Danh mục thủ thuật thường quy	
	Nhóm tai nạn thương tích, tử vong:	
48	Danh mục Hình thức ra viện	
49	Danh mục Điều trị ban đầu sau tn	

STT	Tên chức năng	
50	Danh mục Kết quả điều trị	
51	Danh mục Đối tượng tai nạn	
52	Danh mục Phân loại tai nạn	
53	Danh mục Địa điểm tai nạn	
54	Danh mục Nguyên nhân tai nạn	
55	Danh mục Bộ phận bị thương	
56	Danh mục Tai nạn	
57	Danh mục Nơi chuyển đến	
58	Danh mục Lý do tử vong	
59	Danh mục Thời điểm tử vong	
60	Danh mục Lý do chuyển	
61	Danh mục Hình thức chuyển	
62	Danh mục Điều kiện chuyển	
63	Danh mục Lý do miễn giảm	
64	Danh mục phương tiện tai nạn	
	Nhóm danh mục Dược, vật tư:	
65	Danh mục Hội đồng kiểm nhập	
66	Danh mục Lý do thống kê	
67	Danh mục Cấp độ giá theo khoảng giá	
68	Danh mục Cấp độ giá theo hàng hoá	
69	Danh mục điều chỉnh giá xuất	
70	Khai báo giá thuốc, vật tư theo danh mục	
	Nhóm Danh mục hành chính	

STT	Tên chức năng	
71	Danh mục chuyên môn	
72	Danh mục dân tộc	
73	Danh mục nghề nghiệp	
74	Danh mục nhân viên	
75	Danh mục địa chỉ	
76	Danh mục nơi sinh sống	
77	Danh mục giới tính	
78	Danh mục quốc tịch.	
	Nhóm Danh mục khác	
79	Danh mục loại dịch vụ	
80	Danh mục chi tiết dịch vụ	
81	Danh mục nơi thực hiện	
82	Danh mục máy CLS	
83	Danh mục ngày áp dụng định mức CLS	
84	Danh mục định mức CLS	
85	Danh mục chỉ số xét nghiệm	
86	Danh mục thuốc, vật tư	
87	Danh mục dị ứng thuốc	
88	Danh mục bệnh ICD10	
89	Danh mục thuốc tương tác	
90	Danh mục gói thuốc, dịch vụ	
91	Danh mục ca làm việc	
XII	PHÂN HỆ BÁO CÁO – THỐNG KÊ	

STT	Tên chức năng	
a	BÁO CÁO CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH	
1	Báo cáo 16/BHYT Danh mục thuốc chế phẩm y học cổ truyền thanh toán BHYT	Theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014
2	Báo cáo 17/BHYT Danh mục vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT	Theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014
3	Báo cáo 18/BHYT Thống kê các dịch vụ kỹ thuật có sử dụng thuốc phóng xạ và hợp chất đánh dấu	Theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014
4	Báo cáo 19/BHYT Thống kê tổng hợp vật tư y tế được quỹ BHYT thanh toán riêng sử dụng cho bệnh nhân BHYT điều trị ngoại trú, nội trú	Theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014
5	Báo cáo 20/BHYT Thống kê tổng hợp thuốc sử dụng cho người bệnh BHYT điều trị ngoại trú, nội trú	Theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014
6	Báo cáo 21/BHYT Thống kê tổng hợp dịch vụ kỹ thuật sử dụng cho người bệnh BHYT điều trị ngoại trú, nội trú	Theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014
7	Báo cáo Mẫu số: C79a-HD danh sách người bệnh bảo hiểm y tế khám chữa bệnh ngoại trú đề nghị thanh toán	Theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014
8	Báo cáo Mẫu số: C80a-HD danh sách người bệnh bảo hiểm y tế khám chữa bệnh nội trú đề nghị thanh toán	Theo quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014
9	Mẫu biểu C79B-HD VÀ C80B-HD	Công văn số: 3360/BHXH-CSYT ngày 04/9/2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

STT	Tên chức năng	
10	Mẫu số: 21/BHYT ban hành kèm theo công văn 285 BHH	Công văn 285 BHH – CSYT 2019
b	BÁO CÁO HÀNH CHÍNH & CLS	
11	Sổ khám bệnh (chung, chuyên khoa, ngoại trú)	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
12	Sổ vào viện, ra viện, chuyển viện	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
13	Sổ phẫu thuật	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
14	Sổ thủ thuật	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
15	Sổ xét nghiệm	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
16	Sổ xét nghiệm tế bào máu ngoại vi	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
17	Sổ chẩn đoán hình ảnh	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
18	Sổ nội soi	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
19	Sổ xét nghiệm vi sinh	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
20	Sổ lưu trữ hồ sơ bệnh án	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
21	Sổ lưu trữ hồ sơ bệnh án tử vong	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
22	Sổ tổng hợp thuốc hàng ngày	Quyết định số 4069/2001/QĐ-BYT ngày 28/9/2001
23	Báo cáo tình hình bệnh tật tử vong theo ICD10	Mẫu báo cáo BHYT theo TT27

STT	Tên chức năng	
24	Báo cáo hoạt động khám bệnh	Mẫu báo cáo BHYT theo TT27
25	Báo cáo hoạt động điều trị	
26	Báo cáo hoạt động phẫu thuật, thủ thuật	
27	Báo cáo hoạt động Cận Lâm Sàng	
28	Báo cáo tai nạn thương tích	
29	Báo cáo danh sách bác sĩ có thông tin chứng chỉ hành nghề	
c	BÁO CÁO DƯỢC	
30	Thẻ kho	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
31	Báo cáo công tác dược bệnh viện	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
32	Báo cáo sử dụng thuốc	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
33	Báo cáo sử dụng kháng sinh	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
34	Báo cáo sử dụng hóa chất	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
35	Báo cáo sử dụng vật tư y tế tiêu hao	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
36	Biên bản kiểm kê thuốc	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
37	Biên bản kiểm kê hóa chất	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
38	Biên bản kiểm kê vật tư y tế tiêu hao	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011

STT	Tên chức năng	
39	Biên bản xác nhận thuốc/ hóa chất/ vật tư y tế tiêu mất/ hỏng/ vỡ	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
40	Biên bản thanh lý thuốc	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
42	Sổ kiểm nhập thuốc/ hóa chất/ vật tư tiêu hao	Mẫu theo thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011
XIII	PHÂN HỆ KẾT NỐI LIÊN THÔNG CÁC HỆ THỐNG THEO QUY ĐỊNH BHYT, BHXH	
1	Liên thông Kết nối đơn thuốc điện tử	
2	Liên thông Kết nối dược Quốc Gia	
3	Liên thông Kết nối hồ sơ khám sức khỏe lái xe lên cổng Bảo hiểm	
4	Liên thông Kết nối BHXH (theo XML 4210)	
5	Liên thông giấy chứng sinh lên cổng BHXH	
6	Liên thông giấy chứng tử lên cổng BHXH	
XIV	PHÂN HỆ QUẢN LÝ, KẾT NỐI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ	
1	Lập hóa đơn	Quản lý, kết nối tới hệ thống hóa đơn điện tử của nhà cung cấp. Lập và đẩy hóa đơn lên cổng của nhà cung cấp
2	Xuất hóa đơn điện tử (Sử dụng hóa đơn điện tử)	
3	In bản thể hiện, bản chuyển đổi hóa đơn điện tử	
4	Đẩy hóa đơn lên cổng của nhà cung cấp hóa đơn điện tử	
5	Thống kê hóa đơn điện tử	
XV	PHÂN HỆ HÀNG ĐỢI	

STT	Tên chức năng	
1	Rút số đăng ký khám chữa bệnh	Rút theo cây phát số
2	Gọi bệnh nhân vào đăng ký bằng loa	
3	Hiển thị số đang gọi ra thiết bị ngoại vi	Hiển thị lên LED, LCD
4	Sinh và in số thứ tự khám bệnh khi đăng ký mới thông tin bệnh nhân	In tại quầy đăng ký
5	Gọi bệnh nhân vào khám bằng loa	
6	Hiển thị danh sách bệnh nhân chờ khám ở các màn hình LCD	Các màn hình LCD treo ở các cửa phòng khám
7	Sinh số thứ tự chờ làm các dịch vụ	Sinh khi các bộ phận chỉ định dịch vụ cho bệnh nhân
8	Hiển thị danh sách bệnh nhân chờ làm dịch vụ ở các màn hình LCD	Các màn hình LCD treo ở các cửa phòng dịch vụ
9	Gọi bệnh nhân vào làm dịch vụ bằng loa	
10	Hiển thị danh sách bệnh nhân chờ cấp đơn ngoại trú	Các màn hình LCD treo ở các quầy thuốc cấp ngoại trú
11	Gọi bệnh nhân vào lấy thuốc bằng loa	
XVI	PHÂN HỆ QUẢN LÝ KHÁM SỨC KHỎE THEO ĐOÀN	
1	Khai báo danh mục đoàn	Các công ty đăng ký khám đoàn
2	Khai báo nhóm theo đoàn	Nhóm đi khám
3	Khai báo phòng theo nhóm	
4	Khai báo các dịch vụ khám theo gói	Dịch vụ đăng ký theo mỗi công ty khác nhau
5	Lấy danh sách nhân viên đi khám từ File Excel vào phần mềm	

STT	Tên chức năng	
6	Đăng ký bệnh nhân khám theo các đoàn	
7	In phiếu kết quả khám sức khỏe	
8	Báo cáo tổng hợp chi phí theo các đoàn	
XVII	PHÂN HỆ THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM, NHẮC LỊCH QUA TIN NHẮN	
1	Kết nối dịch vụ SMS Brandname	
2	Gửi tin nhắn mời bệnh nhân vào khám bệnh	Khi bác sĩ bấm gọi bệnh nhân đồng thời hệ thống gửi tin nhắn SMS
3	Gửi tin nhắn mời bệnh nhân vào lấy đơn	
4	Gửi tin nhắn mời bệnh nhân vào làm dịch vụ Cận lâm sàng	
5	Gửi tin nhắn mời bệnh nhân đến quầy thanh toán	
6	Gửi tin nhắn nhắc bệnh nhân đến khám khi có lịch hẹn khám lại	
7	Gửi tin nhắn chăm sóc khách hàng với nội dung tùy chỉnh	
8	Tạo link xem kết quả xét nghiệm trực tuyến và gửi tin nhắn thông báo kết quả xét nghiệm kèm link	Sau khi khoa xét nghiệm lập kết quả xét nghiệm, phần mềm tự động tạo Link xem trực tuyến kết quả xét nghiệm, link này sẽ được gửi cho bệnh nhân qua tin nhắn sms (nếu viện sử dụng SMS brandname). Bệnh nhân truy cập link để xem kết quả như trên phiếu kết quả bản cứng.

STT	Tên chức năng	
XVIII	PHÂN HỆ QUẢN LÝ NHÂN SỰ, ĐÀO TẠO	
a	Hồ sơ cán bộ công chức	
-	Excel (nhập dữ liệu danh mục nhân viên vào phần mềm bằng file excel)	
-	Tìm nhân viên	
-	Thông tin cá nhân (Thêm, sửa, xóa)	
-	Quan hệ gia đình (Thêm, sửa, xóa)	
-	Chính trị - xã hội (Thêm, sửa, xóa)	
-	Thông tin công việc (Thêm, sửa, xóa)	
-	Luân chuyển nhân sự (Thêm, sửa, xóa)	
-	Hợp đồng lao động (Thêm, sửa, xóa)	
-	Quá trình lương (Thêm, sửa, xóa)	
-	Thông tin khác (Thêm, sửa, xóa)	
-	Quá trình khác:	
+	Quá trình sức khỏe (Thêm, sửa, xóa)	
+	Quá trình công tác (Thêm, sửa, xóa)	
+	Quá trình đào tạo (Thêm, sửa, xóa)	
+	Quá trình khen thưởng (Thêm, sửa, xóa)	
+	Quá trình kỷ luật (Thêm, sửa, xóa)	
+	Chứng chỉ hành nghề (Thêm, sửa, xóa)	
-	In sơ yếu lý lịch cán bộ công chức	
b	Phân công lịch trực	

STT	Tên chức năng	
-	Thực hiện phân công lịch trực theo tuần	
-	Hủy bỏ phân công lịch trực theo tuần	
-	Xóa phân công lịch trực	
-	In bảng phân trực	
3	Chấm công trực (Sửa, xóa, in lịch trực)	
4	Chấm công (Sửa, xóa, chấm công, quy công, in bảng chấm công)	
5	Chấm công nhiều ngày	
6	In bảng chấm công	
7	Đơn xin nghỉ phép (Sửa, xóa, in)	
8	Duyệt đơn xin nghỉ phép (Duyệt/ hủy duyệt)	
9	Đơn xin đi muộn, về sớm (Sửa, xóa, in)	
10	Duyệt đơn đi muộn, về sớm (Duyệt/ hủy duyệt)	
11	Báo làm thêm giờ (Sửa, xóa)	
12	Duyệt làm thêm giờ (Duyệt/ hủy duyệt)	
c	Các tiện ích khác	
-	Kiểm tra thời gian người sử dụng, lưu thông tin	
d	Báo cáo thống kê	
1	Lao động trung tâm y tế huyện	
2	Lao động trung tâm y tế xã	

STT	Tên chức năng	
3	Báo cáo nhân lực cơ hữu	
4	Báo cáo về các quá trình (Quá trình lương, quá trình sức khỏe, phụ cấp, lương,...)	
5	Danh sách nâng lương thường xuyên	
6	Danh sách nâng lương vượt khung	
7	Báo cáo chấm công	
8	Báo cáo làm thêm giờ	
e	Quản trị hệ thống	
1	Xem lưu vết người dùng	
2	Sao lưu và bảo trì dữ liệu	
XIX	PHÂN HỆ QUẢN LÝ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	
1	Danh mục loại hình đề tài	
2	Danh mục chương trình đề tài	
3	Danh mục lĩnh vực khóa học	
4	Danh mục cơ quan chủ quản	
5	Danh mục chủ nhiệm đề tài	
6	Danh mục tổ chức phối hợp	
7	Thêm mới thông tin đề tài	
8	Sửa lại thông tin đề tài	
9	Xóa thông tin đề tài	
XX	PHÂN HỆ QUẢN LÝ SỰ CỐ Y KHOA	
1	Thêm mới thông tin sự cố y khoa	
2	Chỉnh sửa thông tin sự cố y khoa	
3	Xóa thông tin sự cố y khoa	

STT	Tên chức năng	
4	In báo cáo sự cố y khoa theo thời gian	
XXI	QUẢN LÝ TƯƠNG TÁC THUỐC	
1	Quản lý danh mục các thuốc tương tác gây phản ứng bất lợi trong điều trị	
2	Thêm mới thông tin hoạt chất thuốc vào danh mục	
3	Sửa danh mục hoạt chất thuốc	
4	Lưu danh mục hoạt chất thuốc	
5	Xóa thông tin hoạt chất thuốc khỏi danh mục	
6	Thêm mới trường hợp tương tác thuốc: hoạt chất 1, hoạt chất 2, cơ chế - hậu quả xảy ra, biện pháp quản lý	
7	Lưu thông tin tương tác thuốc của các hoạt chất	
8	Sửa thông tin tương tác thuốc	
9	Xóa thông tin tương tác thuốc	
10	Lọc thông tin tương tác thuốc	
11	Xuất danh mục tương tác thuốc ra excel	
12	Cảnh báo tương tác thuốc khi kê đơn	
13	Xem cảnh báo tương tác thuốc khi kê đơn thuốc ngoại trú cho bệnh nhân	
14	Lựa chọn hủy hoặc tiếp tục kê thuốc đã chọn	

STT	Tên chức năng	
15	Xem cảnh báo tương tác thuốc khi kê y lệnh thuốc cho bệnh nhân điều trị nội trú	
16	Lựa chọn hủy hoặc tiếp tục kê thuốc đã chọn	
XXII	QUẢN LÝ CẤP CỨU	
1	Quản lý tiếp nhận bệnh nhân vào khoa/phòng cấp cứu	
2	Thêm mới thông tin bệnh nhân vào khoa	
3	Sửa thông tin bệnh nhân vào khoa	
4	Lưu thông tin bệnh nhân vào khoa	
5	Xóa thông tin bệnh nhân	
6	Lập hồ sơ cấp cứu	
7	Xem danh sách bệnh nhân tiếp nhận vào khoa	
8	Tìm kiếm bệnh nhân theo mã, tên	
9	Quản lý y lệnh cấp cứu	
10	Tìm kiếm bệnh nhân theo mã, tên	
11	Thêm mới chỉ định dịch vụ cận lâm sàng	
12	Sửa chỉ định dịch vụ cận lâm sàng	
13	Xóa chỉ định dịch vụ cận lâm sàng	
14	Xem kết quả cận lâm sàng	
15	Thêm mới chỉ định thủ thuật, phẫu thuật	
16	Lập phiếu phẫu thuật, thủ thuật	

STT	Tên chức năng	
17	Thêm mới y lệnh thuốc, vật tư tiêu hao	
18	Sửa y lệnh thuốc, vật tư	
19	Xóa y lệnh thuốc, vật tư	
XXIII	PHÂN HỆ PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ	
a	Tạo phác đồ điều trị	
1	Sửa thông tin về phác đồ điều trị đã tạo	
2	Lựa chọn bệnh, nhóm bệnh khi tạo phác đồ điều trị	
3	Lưu thông tin phác đồ điều trị đã tạo	
4	Xóa phác đồ đã tạo	
5	Xem phác đồ điều trị đã tạo	
6	In phác đồ đã tạo	
b	Quản lý phác đồ điều trị cho bệnh nhân	
1	Tìm kiếm bệnh nhân	
2	Thêm mới phác đồ điều trị cho bệnh nhân	
3	Sửa phác đồ điều trị cho bệnh nhân	
4	Xóa phác đồ điều trị đã chọn cho bệnh nhân	
5	Thêm mới thuốc vào phác đồ điều trị cho bệnh nhân	
6	Tìm kiếm và lựa chọn thuốc cho bệnh nhân	

STT	Tên chức năng	
7	Sửa thuốc vào phác đồ điều trị của bệnh nhân	
8	Xóa thuốc khỏi phác đồ điều trị của bệnh nhân	
9	Thêm mới dịch vụ vào phác đồ điều trị của bệnh nhân	
10	Tìm kiếm và chọn dịch vụ vào phác đồ điều trị	
11	Sửa dịch vụ đã chọn vào phác đồ điều trị của bệnh nhân	
12	Xóa dịch vụ khỏi phác đồ điều trị của bệnh nhân	
XXIV	TÌM KIẾM VÀ TRA CỨU THÔNG TIN (KIOS THÔNG TIN)	
1	Quản lý đánh giá sự hài lòng của người bệnh	
2	Khai báo các câu hỏi khảo sát, đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân	
3	Sửa các câu hỏi khảo sát, đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân	
4	Xóa các câu hỏi khảo sát, đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân	
5	Xem danh sách các câu hỏi và mức độ hài lòng	
6	Chọn mức độ hài lòng cho các câu hỏi	
7	Xác nhận sau khi lựa chọn	
8	Hủy xác nhận và lựa chọn lại mức độ hài lòng cho các câu hỏi	

STT	Tên chức năng	
9	Xem báo cáo, thống kê đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân	
10	Tra cứu thông tin khám bệnh và kết quả CLS	
11	Tra cứu thông tin điều trị	
12	Tra cứu khoa, phòng bệnh nhân nằm điều trị	
13	Tìm người bệnh (người nhà bệnh nhân) bằng số điện thoại hoặc họ tên	
14	Tra cứu sơ đồ bệnh viện	
15	Hiển thị lịch khám của bác sỹ	
16	Tra cứu lịch sử thông tin chuyên tuyến của bệnh nhân đăng ký qua kios	
XXV	Quản lý lịch hẹn, nhắc bệnh nhân đến khám	
1	Quản lý lịch hẹn điều trị, hẹn lịch hẹn tái khám	
2	Bác sỹ kết thúc khám và Hẹn khám	
3	Bác sỹ tổng kết ra viện và hẹn điều trị	
4	Ghi nhận thông tin hành chính của bệnh nhân hẹn lịch	
5	Ghi nhận số ngày hẹn tái khám, bác sỹ khám	
6	Quản lý danh sách hẹn khám bệnh, hẹn điều trị của bệnh nhân	

STT	Tên chức năng	
7	Xem danh sách hẹn khám bệnh, hẹn điều trị hiển thị đầy đủ thông tin hành chính bệnh nhân, ngày giờ hẹn khám, bác sĩ khám	
8	Xem lịch sử khám của bệnh nhân	
9	Xem thông tin tiền sử bệnh, các chẩn đoán lần khám trước	
10	Xem các đơn thuốc bệnh nhân đã sử dụng ở các lần khám trước	
11	Hệ thống nhắc lịch hẹn tái khám: hiển thị cảnh báo những bệnh nhân tới lịch hẹn tái khám trên danh sách bệnh nhân hẹn tái khám	
12	Quản lý thông tin chăm sóc bệnh nhân (khách hàng)	

II. Phần mềm EMR

STT	CHỨC NĂNG
I	PHÂN HỆ SỐ HÓA CÁC MẪU HỒ SƠ BỆNH ÁN
1	Quản lý bệnh án ngoại khoa
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị ngoại khoa.
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân chuyển điều trị bệnh án ngoại khoa
	Chức năng thực hiện lập thông tin đầu vào bệnh án theo quy định mẫu bệnh án ngoại khoa
	Chức năng thực hiện thêm/cập nhật thông tin hành chính bệnh nhân
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin tiền sử bệnh
	Chức năng thực hiện thêm thông tin khám ngoại khoa theo các mẫu bệnh án đã ban hành.
	Chức năng xóa thông tin bệnh án ngoại khoa
	Chức năng in bệnh án ngoại khoa theo các mẫu đã ban hành
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
2	Quản lý bệnh án nội khoa
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị nội khoa.
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân chuyển điều trị bệnh án nội khoa
	Chức năng thực hiện lập thông tin đầu vào bệnh án theo quy định mẫu bệnh án nội khoa
	Chức năng thực hiện thêm/cập nhật thông tin hành chính bệnh nhân
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin tiền sử bệnh trước khi vào điều trị
	Chức năng thực hiện thêm thông tin khám nội khoa theo các mẫu bệnh án đã ban hành.
	Chức năng xóa thông tin bệnh án nội khoa
	Chức năng in bệnh án nội khoa theo các mẫu đã ban hành
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF

STT	CHỨC NĂNG
3	Quản lý bệnh án sản khoa
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị sản khoa.
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân chuyển điều trị bệnh án sản khoa
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin bệnh nhân sản khoa
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin khám ban đầu sản khoa
	Chức năng sửa thông tin bệnh án sản khoa (số lần sinh/ số con/ số lần mang thai...)
	Chức năng thực hiện thêm quá trình theo dõi sinh tồn của bệnh nhân sản khoa
	Chức năng xóa thông tin bệnh án sản khoa
	Chức năng in bệnh án sản khoa
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
4	Quản lý bệnh án nhi khoa
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị nhi khoa
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân chuyển điều trị bệnh án nhi
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin sinh tồn của trẻ sơ sinh.
	Chức năng thêm mới thông tin trên mẫu bệnh án nhi khoa
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị nhi khoa
	Chức năng sửa thông tin bệnh án nhi khoa
	Chức năng xóa thông tin bệnh án nhi khoa
	Chức năng in bệnh án nhi khoa
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
5	Quản lý bệnh án Răng - Hàm - Mặt
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị răng hàm mặt
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân chuyển điều trị RHM

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin hành chính bệnh nhân RHM theo mẫu.
	Chức năng thực hiện cập nhật quá trình theo dõi điều trị vùng tổn thương (bằng hình vẽ)
	Chức năng thêm mới thông tin trên mẫu bệnh án Răng - Hàm - Mặt
	Chức năng sửa thông tin bệnh án Răng - Hàm - Mặt
	Chức năng xóa thông tin bệnh án Răng - Hàm - Mặt
	Chức năng in bệnh án Răng - Hàm - Mặt
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
6	Quản lý bệnh án Tai - Mũi - Họng
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị TMH
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân chuyển điều trị TMH
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin hành chính bệnh nhân TMH theo mẫu.
	Chức năng thực hiện cập nhật quá trình theo dõi trước vào viện
	Chức năng thực hiện cập nhật theo dõi bằng hình ảnh TMH
	Chức năng sửa thông tin bệnh án TMH khi có điều chỉnh
	Chức năng xóa thông tin bệnh án TMH
	Chức năng in bệnh án TMH
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
7	Quản lý bệnh án YHCT và Phục hồi chức năng
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị YHCT&PHCN
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị YHCT&PHCN
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị YHCT&PHCN trước điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị theo YHCT&PHCN (Vong chân/Vấn chân)

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng sửa thông tin bệnh án YHCT&PHCN
	Chức năng xóa thông tin bệnh án YHCT&PHCN
	Chức năng in bệnh án YHCT&PHCN
8	Quản lý bệnh án YHCT ngoại trú
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị YHCT
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị YHCT
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị YH hiện đại trước điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị theo YHCT (Vong chẩn/Vấn chẩn)
	Chức năng sửa thông tin bệnh án ngoại trú YHCT
	Chức năng xóa thông tin bệnh án ngoại trú YHCT
	Chức năng in bệnh án ngoại trú YHCT
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
9	Quản lý bệnh án huyết học - truyền máu
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị huyết học - truyền máu
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị huyết học - truyền máu
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị huyết học - truyền máu
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị
	Chức năng sửa thông tin bệnh án huyết học - truyền máu
	Chức năng xóa thông tin bệnh án huyết học - truyền máu
	Chức năng in bệnh án huyết học - truyền máu
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF

STT	CHỨC NĂNG
10	Quản lý bệnh án Ung Bướu
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị ung bướu
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị ung bướu
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị ung bướu
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị
	Chức năng sửa thông tin bệnh án ung bướu
	Chức năng xóa thông tin bệnh án ung bướu
	Chức năng in bệnh án ung bướu
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
11	Quản lý bệnh án bỏng
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị bỏng
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị bỏng
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị bỏng
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị
	Chức năng sửa thông tin bệnh án bỏng
	Chức năng xóa thông tin bệnh án bỏng
	Chức năng in bệnh án bỏng
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
12	Quản lý bệnh án tâm thần
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị tâm thần
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị tâm thần
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị tâm thần

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị
	Chức năng sửa thông tin bệnh án tâm thần
	Chức năng xóa thông tin bệnh án tâm thần
	Chức năng in bệnh án tâm thần
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
13	Quản lý bệnh án da liễu
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị da liễu
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị da liễu
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị da liễu
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa điều trị
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị
	Chức năng sửa thông tin bệnh án da liễu
	Chức năng xóa thông tin bệnh án da liễu
	Chức năng in bệnh án da liễu
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
14	Quản lý bệnh án mắt
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị mắt
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị mắt
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị mắt
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa mắt
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều trị
	Chức năng sửa thông tin bệnh án mắt
	Chức năng xóa thông tin bệnh án mắt

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng in bệnh án mắt
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
15	Quản lý bệnh án truyền nhiễm
	Chức năng tìm kiếm thông tin bệnh nhân chuyển điều trị bệnh truyền nhiễm
	Chức năng lựa chọn bệnh nhân điều trị bệnh truyền nhiễm
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin điều trị bệnh truyền nhiễm
	Chức năng thực hiện cập nhật thông tin vào khoa truyền nhiễm
	Chức năng thực hiện cập nhật diễn biến điều bệnh truyền nhiễm
	Chức năng sửa thông tin bệnh án truyền nhiễm
	Chức năng xóa thông tin bệnh án truyền nhiễm
	Chức năng in bệnh án truyền nhiễm
	Xuất bệnh án ra file XML, PDF
II	PHÂN HỆ SỐ HÓA CÁC MẪU GIẤY, PHIẾU Y
16	Quản lý thông tin tờ điều trị
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập tờ điều trị
	Hệ thống hiển thị thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin tờ điều trị
	Chức năng sửa thông tin tờ điều trị
	Chức năng xóa thông tin tờ điều trị
	Chức năng xem thông tin ai làm tờ điều trị
	Chức năng in tờ điều trị
	Chức năng xuất file tờ điều trị ra XML, PDF
17	Quản lý thông tin giấy thử phản ứng thuốc
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập giấy thử phản ứng thuốc

STT	CHỨC NĂNG
	Hệ thống hiển thị thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin giấy thử phản ứng thuốc
	Chức năng sửa thông tin giấy thử phản ứng thuốc
	Chức năng xóa thông tin giấy thử phản ứng thuốc
	In giấy thử phản ứng thuốc
	Chức năng sao chép thông tin thử phản ứng thuốc cho nhiều ngày
	Chức năng xem thông tin kết quả thử phản ứng thuốc các ngày trước
	Chức năng xem thông tin ai làm giấy thử phản ứng thuốc cho bệnh nhân
	Chức năng xuất file giấy thử phản ứng thuốc ra XML, PDF
18	Quản lý thông tin phiếu chăm sóc
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập phiếu chăm sóc
	Hệ thống hiển thị thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin phiếu chăm sóc
	Chức năng sửa thông tin phiếu chăm sóc
	Chức năng xóa thông tin phiếu chăm sóc
	In phiếu chăm sóc
	Chức năng sao chép thông tin phiếu chăm sóc cho nhiều ngày
	Chức năng xem thông tin phiếu chăm sóc các ngày trước
	Chức năng xem thông tin ai làm phiếu chăm sóc cho bệnh nhân
	Chức năng xuất file phiếu chăm sóc ra XML, PDF
19	Quản lý thông tin phiếu theo dõi chức năng sống
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập phiếu theo dõi chức năng sống
	Hệ thống hiển thị thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin phiếu theo dõi chức năng sống

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng sửa thông tin phiếu theo dõi chức năng sống
	Chức năng xóa thông tin phiếu theo dõi chức năng sống
	In phiếu theo dõi chức năng sống
	Chức năng sao chép thông tin phiếu theo dõi chức năng sống cho nhiều ngày
	Chức năng xem thông tin phiếu theo dõi chức năng sống các ngày trước
	Chức năng xem thông tin ai làm theo dõi chức năng sống cho bệnh nhân
	Chức năng xuất file phiếu theo dõi chức năng sống ra XML, PDF
20	Quản lý thông tin phiếu gây mê hồi sức
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập phiếu gây mê hồi sức
	Hệ thống hiển thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin phiếu gây mê hồi sức
	Chức năng sửa thông tin phiếu gây mê hồi sức
	Chức năng xóa thông tin phiếu gây mê hồi sức
	In phiếu gây mê hồi sức
	Chức năng xem thông tin phiếu gây mê hồi sức các ngày trước
	Chức năng xem thông tin ai làm phiếu gây mê hồi sức cho bệnh nhân
	Chức năng xuất file phiếu gây mê hồi sức ra XML, PDF
21	Quản lý thông tin phiếu phẫu thuật, thủ thuật
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập phiếu phẫu thuật, thủ thuật
	Hệ thống hiển thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin phiếu phẫu thuật, thủ thuật
	Chức năng sửa thông tin phiếu phẫu thuật, thủ thuật
	Chức năng xóa thông tin phiếu phẫu thuật, thủ thuật
	Xem phiếu phẫu thuật thủ thuật trước khi in

STT	CHỨC NĂNG
	In phiếu phẫu thuật, thủ thuật
	Chức năng xem thông tin ai làm phiếu phẫu thuật, thủ thuật cho bệnh nhân
	Chức năng xuất file phiếu phẫu thuật, thủ thuật ra XML, PDF
22	Quản lý thông tin phiếu truyền máu
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập phiếu truyền máu
	Hệ thống hiển thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin phiếu truyền máu
	Chức năng sửa thông tin phiếu truyền máu
	Chức năng xóa thông tin phiếu truyền máu
	In phiếu truyền máu
	Chức năng sao chép thông tin phiếu truyền máu cho nhiều ngày
	Chức năng xem thông tin phiếu truyền máu các ngày trước
	Chức năng xem thông tin ai làm phiếu truyền máu cho bệnh nhân
	Chức năng xuất file phiếu truyền máu ra XML, PDF
23	Quản lý thông tin phiếu truyền dịch
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập phiếu truyền dịch
	Hệ thống hiển thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin phiếu truyền dịch
	Chức năng sửa thông tin phiếu truyền dịch
	Chức năng xóa thông tin phiếu truyền dịch
	In phiếu truyền dịch
	Chức năng sao chép thông tin phiếu truyền dịch cho nhiều ngày
	Chức năng xem thông tin phiếu truyền dịch các ngày trước
	Chức năng xem thông tin ai làm phiếu truyền dịch cho bệnh nhân

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng xuất file phiếu truyền dịch ra XML, PDF
24	Quản lý thông tin biên bản hội chẩn
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập biên bản hội chẩn
	Hệ thống hiển thông tin bệnh nhân
	Chức năng thêm mới thông tin biên bản hội chẩn
	Chức năng sửa thông tin biên bản hội chẩn
	Chức năng xóa thông tin biên bản hội chẩn
	Chức năng xem biên bản hội chẩn
	In biên bản hội chẩn
	Chức năng xem thông tin ai làm biên bản hội chẩn
	Chức năng xuất file biên bản hội chẩn ra XML, PDF
25	Quản lý thông tin phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ (biểu đồ chuyển dạ)
	Tìm kiếm bệnh nhân cần lập phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ
	Hệ thống hiển thông tin bệnh nhân cần lập phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ
	Chức năng thêm mới thông tin phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ
	Chức năng sửa thông tin phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ
	Chức năng xóa thông tin phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ
	Chức năng xem phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ
	In phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ
	Chức năng xem thông tin ai làm phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ
	Chức năng xuất file phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ ra XML, PDF
III	PHÂN HỆ SỐ HÓA CÁC MẪU GIẤY, PHIẾU DUỢC
26	Quản lý thông tin đơn thuốc
	Chức năng xem thông tin các đơn thuốc bệnh nhân đã được chỉ định

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng in thông tin đơn thuốc
27	Quản lý thông tin phiếu công khai thuốc
	Chức năng xem thông tin phiếu công khai thuốc của bệnh nhân
	Chức năng in thông tin phiếu công khai thuốc của bệnh nhân
IV	PHÂN HỆ TÍCH HỢP CHỮ KÝ SỐ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ BỆNH ÁN
28	Quản lý ký số trên hồ sơ bệnh án
	Chức năng tra cứu nội dung cần ký trên hồ sơ bệnh án
	Chức năng xem nội dung trước khi ký
	Chức năng ký số trên hồ sơ bệnh án
	Chức năng xem lại nội dung đã ký
	Chức năng hủy ký
29	Quản lý ký số trên mẫu giấy, phiếu y
	Chức năng tra cứu nội dung cần ký trên mẫu giấy, phiếu y
	Chức năng xem nội dung trước khi ký
	Chức năng ký số trên từng nội dung mẫu giấy, phiếu y
	Chức năng xem nội dung đã ký
	Chức năng hủy ký
30	Quản lý ký số trên mẫu giấy, phiếu dược
	Chức năng tra cứu nội dung cần ký trên mẫu giấy, phiếu dược
	Chức năng xem nội dung trước khi ký
	Chức năng ký số trên từng nội dung mẫu giấy, phiếu dược
	Chức năng xem nội dung đã ký
	Chức năng hủy ký
31	Quản lý trình ký

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng thực hiện trình ký (Gửi nội dung cần ký cho cấp trên ký)
	Chức năng hủy trình ký
	Chức năng tra cứu, lọc các nội dung cấp dưới trình ký
	Chức năng xem trước nội dung ký
	Chức năng ký số trên từng nội dung/mẫu phiếu
	Chức năng xem nội dung đã ký
	Chức năng hủy ký
	Chức năng xem danh sách các mẫu phiếu trình chưa ký, đã ký
32	Sinh trắc học trên các giấy tờ cần chữ ký của bệnh nhân (Sử dụng vân tay)
	Lấy vân tay của bệnh nhân khi đăng ký KCB
	Hiển thị nội dung cần bệnh nhân ký trên 1 màn hình View
	Scan vân tay bệnh nhân, so khớp với dữ liệu sinh trắc học đã được lưu trữ lúc đăng ký KCB, nếu khớp thì ghi nhận trạng thái bệnh nhân ký
	Thêm vân tay người nhà, trường hợp 1 số giấy tờ cần chữ ký người nhà (Phiếu cam kết mổ, phiếu cam kết truyền máu ...)
	Scan vân tay, so khớp với dữ liệu sinh trắc học đã được lưu trữ lúc đăng ký KCB, nếu khớp thì ghi nhận trạng thái ký của người nhà
33	Lưu trữ dữ liệu ký điện tử của bệnh nhân
	Tạo file XML theo nội dung ký của từng nghiệp vụ thực hiện ký số trên file XML
	Gửi file lên máy chủ lưu trữ
	Đồng bộ các file lên hệ thống Cloud Các file được phần mềm EMR lưu trữ ra ổ cứng máy chủ hoặc SAN, NAS, khi đơn vị thuê cloud bên cung cấp nào thì bên cung cấp đó sẽ tự cài đặt chức năng đồng bộ các file này từ hệ thống lưu trữ của bệnh viện lên Cloud.

STT	CHỨC NĂNG
	Đồng bộ các file sang 1 máy chủ lưu trữ dự phòng (Khác vị trí đặt vật lý so với máy chủ lưu trữ nếu có)
34	Lưu trữ dữ liệu bệnh án sau khi bệnh nhân ra viện
	Tạo file HL7 lưu trữ toàn bộ thông tin hồ sơ bệnh án của bệnh nhân
	Gửi file lên máy chủ lưu trữ
	Đồng bộ các file lên hệ thống Cloud Các file được phần mềm EMR lưu trữ ra ổ cứng máy chủ hoặc SAN, NAS, khi đơn vị thuê cloud bên cung cấp nào thì bên cung cấp đó sẽ tự cài đặt chức năng đồng bộ các file này từ hệ thống lưu trữ của bệnh viện lên Cloud.
	Đồng bộ các file sang 1 máy chủ lưu trữ dự phòng (Khác vị trí đặt vật lý so với máy chủ lưu trữ nếu có)
35	Tra cứu hồ sơ bệnh nhân
	Đọc lại các file XML hoặc HL7 đã lưu trữ, giải mã thành 1 hồ sơ bệnh án hoàn chỉnh Hồ sơ bệnh án hoàn chỉnh sau khi giải mã được xem dưới dạng dữ liệu có khả năng giúp thống kê, giúp chia sẻ dữ liệu cho đơn vị y tế khác. Thông tin bệnh án giải mã được xem dạng bảng dữ liệu
	Tra cứu lại các giấy tờ của bệnh nhân dựa vào dữ liệu XML Thông tin các loại giấy tờ được xem dưới dạng bảng dữ liệu
36	Quản lý hình ảnh
	Thêm mới các hình ảnh, file scan đính kèm vào hồ sơ bệnh án
	Xóa hình ảnh, file scan đính kèm vào hồ sơ bệnh án
V	PHÂN HỆ QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN
37	Quản lý tổng hợp hồ sơ bệnh án
	Chức năng tìm kiếm bệnh nhân
	Chức năng xem thông tin bệnh án của bệnh nhân

STT	CHỨC NĂNG
	Chức năng xem tổng hợp các phiếu chỉ định cận lâm sàng của bệnh nhân
	Chức năng xem tổng hợp các phiếu kết quả cận lâm sàng của bệnh nhân
	Chức năng xem y lệnh điều trị của bệnh nhân trên tờ điều trị
	Chức năng xem tổng hợp phiếu chăm sóc của bệnh nhân
	Chức năng xem phiếu theo dõi chức năng sống của bệnh nhân
	Chức năng xem tổng hợp phiếu theo dõi truyền dịch
	Chức năng xem tổng hợp phiếu theo dõi truyền máu
	Chức năng xem tổng hợp bảng kê chi phí đợt điều trị của bệnh nhân
	Chức năng xem tổng hợp phiếu phẫu thuật, thủ thuật, tường trình phẫu thuật, thủ thuật
	Chức năng xem phiếu khám bệnh vào viện
38	Soát hồ sơ bệnh án trước khi bàn giao
	Tìm kiếm hồ sơ bệnh án của bệnh nhân theo mã khám chữa bệnh
	Hiện thị thông tin hành chính của bệnh nhân
	Hiện thị thông tin hồ sơ bệnh án của bệnh nhân dạng cây thư mục, người dùng có thể xem chi tiết thông tin các biểu mẫu hồ sơ bệnh án để rà soát lại
	Chức năng xuất hồ sơ bệnh án của bệnh nhân ra file PDF, xuất tổng hợp thành một file hồ sơ bệnh án đầy đủ
39	Bàn giao hồ sơ bệnh án
	Hiện thị danh sách hồ sơ bệnh án của khoa chuẩn bị bàn giao
	Chức năng tìm kiếm, lọc hồ sơ bệnh án của bệnh nhân trong danh sách
	Chức năng bàn giao hồ sơ bệnh án
	Tổng hợp danh sách hồ sơ bệnh án của khoa gửi lên
	Tìm kiếm, lọc hồ sơ bệnh án
	Chức năng xem hồ sơ bệnh án theo dạng PDF để rà soát lại thông tin bệnh án

STT	CHỨC NĂNG
	Có thể tích chọn 1, vài hồ sơ hoặc có thể chọn cả danh sách để duyệt hồ sơ
	Chức năng duyệt hồ sơ hợp lệ
40	Quản lý danh sách hồ sơ bệnh án điện tử gửi giám định BHXH
	Chức năng nạp danh sách bệnh nhân từ excel do BHXH gửi về
	Chức năng lọc danh sách chưa duyệt giám định BHXH
	Chức năng lọc danh sách đã duyệt giám định BHXH
	Chức năng lọc danh sách bệnh nhân đã thanh toán
	Chức năng lọc danh sách bệnh nhân chưa thanh toán
	Chức năng lọc danh sách theo khoa phòng
	Chức năng duyệt hồ sơ giám định BHXH
	In danh sách hồ sơ bệnh án điện tử giám định BHXH
	Chức năng gửi danh sách hồ sơ bệnh án lên cổng giám định điện tử BHXH tỉnh
	Hiện thị thông tin hồ sơ bệnh án của bệnh nhân dạng cây thư mục, người dùng có thể xem chi tiết thông tin các biểu mẫu hồ sơ bệnh án để rà soát lại
	Chức năng xuất hồ sơ bệnh án của bệnh nhân ra file PDF, xuất tổng hợp thành một file hồ sơ bệnh án đầy đủ

III. Phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh VRIMAGE

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
I	Chức năng tích hợp hệ thống HIS	
1	Modul kết nối hai chiều với HIS	Kết nối theo chuẩn HL7, HL7-FHIR đối với thông tin bệnh nhân, thông tin chỉ định.

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Kết nối theo chuẩn DICOM, Jpeg2000 đối với hình ảnh ca chụp, hình ảnh bệnh lý.
		Nhận thông tin bệnh nhân và thông tin chỉ định từ HIS.
		Trả thông tin kết quả, file kết quả có ký số, hình ảnh bệnh lý của bệnh nhân.
		His cập nhật, xóa thông tin ca chụp, PACS cũng phải được cập nhật và ngược lại.
2	Modul kết nối ký số	Chức năng kết nối chữ ký số với tất cả các nhà cung cấp ký số hợp pháp tại Việt Nam
3	Modul kết nối với App kết quả	Cung cấp API kết nối với các App trả kết quả của bệnh viện đang sử dụng
II	Chức năng kết nối hai chiều với các thiết bị chiếu chụp	
1	Modul kết nối hai chiều với Thiết bị theo chuẩn DICOM	Phân phối chỉ định cho từng máy chụp riêng biệt, hoặc phân phối chỉ định giống nhau cho tất cả các máy chụp
		Gửi thông tin chỉ định từ RIS vào máy chụp
		Cập nhật trạng thái ca chụp giữa máy chụp với RIS qua giao thức MPPS (Modality Performed Procedure Step)
		Xóa ca chụp trên toàn bộ Worklist của tất cả các máy chụp khi ca chụp đã thực hiện chụp xong ở một máy bất kỳ. Hoặc dữ liệu ca chụp trên Wroklis có thể được giữ nguyên trong trường hợp đặc biệt mà không quan tâm đến trạng thái ca chụp.

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
2	Modul kết nối hai chiều với Thiết bị theo chuẩn non-DICOM	Phân phối chỉ định cho từng máy chụp riêng biệt, hoặc phân phối chỉ định giống nhau cho tất cả các máy chụp
		Kết nối trực tiếp với hình ảnh các máy chiếu chụp qua giao thức card capture mà hình
		Thu nhận dữ liệu chiếu chụp dưới dạng ảnh và video
		Kết nối, thu nhận các dữ liệu của máy thăm dò chức năng như: Điện tim, điện não...
3	Modul kết nối với Kính hiển vi điện tử, Máy scan tiêu bản	
		Kết nối với kính hiển vi điện tử thu nhận hình ảnh siêu phân giải.
		Kết nối với máy scan tiêu bản thu nhận các Hình ảnh Giải phẫu bệnh, tối thiểu bao gồm các định dạng tiêu chuẩn: Aperio (.svs, .tif), DICOM (.dcm), Hamamatsu (.vms, .vmu, .ndpi), Leica (.scn), MIRAX (.mrxs), Philips (.tiff), Sakura (.svslide), Trestle (.tif), Ventana (.bif, .tif), Generic tiled TIFF (.tif)
		Kết nối với hệ thống camera thu nhận ảnh Đại thể
4	Modul kết nối với các hệ thống PACS khác	Chuẩn kết nối DICOM
		Chức năng DICOM-Query
		Chức năng DICOM-Store
5	Modul kết nối với các hệ thống AI	Chuẩn kết nối DICOM

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chức năng DICOM-Query
		Chức năng DICOM-Store
		Chức năng nhận thông tin chẩn đoán của AI
6	Modul kết nối thiết bị qua mạng internet	Chức năng kết nối và gửi chỉ định từ RIS/PACS vào thiết bị qua môi trường Internet.
		Chức năng kết nối và nhận hình ảnh từ thiết bị về hệ thống RIS/PACS qua môi trường Internet
III	Nhóm chức năng tích hợp hệ thống phòng mổ	
1	Kết nối với các thiết bị camera phòng mổ	
		Kết nối với các camera phòng mổ
		Kết nối với các camera toàn cảnh của phòng mổ
2	Kết nối với các thiết bị theo dõi sự sống	
		Kết nối với các thiết bị theo dõi sự sống thông qua card capture
3	Kết nối với các thiết bị sinh ảnh khác trong phòng mổ	
IV	Nhóm chức năng quản lý thông tin RIS	
1	Quản trị hệ thống	Cấu hình thông tin bệnh viện
		Cấu hình thông tin nhóm khu vực/thu mục
		Truy vấn nhật ký log hệ thống
2	Quản trị người dùng	Hiển thị danh sách người dùng

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Thêm mới người dùng
		Chỉnh sửa thông tin người dùng
		Phân quyền người dùng
		Vô hiệu hóa tài khoản người dùng
		Khôi phục tài khoản người dùng
		Đặt lại mật khẩu cho tài khoản người dùng
		Thêm mới nhanh danh sách người dùng theo mẫu
		Quản lý danh mục quyền cho người dùng
3	Quản lý danh mục dịch vụ kỹ thuật	Hiện thị danh sách dịch vụ
		Thêm mới dịch vụ
		Chỉnh sửa thông tin dịch vụ
		Xóa dịch vụ
		Thêm mới chỉ định ICD
		Chỉnh sửa chỉ định ICD
		Xóa chỉ định ICD
4	Quản lý kết quả mẫu kết quả chẩn đoán	Hiện thị danh sách mẫu kết quả chẩn đoán
		Thêm mới mẫu kết quả chẩn đoán
		Chỉnh sửa mẫu kết quả chẩn đoán
		Chức năng chèn bảng biểu trong văn bản mẫu kết quả chẩn đoán
		Chức năng chèn hình ảnh minh họa trong văn bản mẫu kết quả chẩn đoán

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chức năng định dạng chữ to nhỏ, đậm nhạt, in nghiêng trong văn bản mẫu kết quả
		Xóa mẫu kết quả chẩn đoán
5	Quản lý thông tin kết nối thiết bị	Hiển thị danh sách thiết bị kết nối
		Thêm mới thiết bị kết nối
		Chỉnh sửa thông tin thiết bị kết nối
		Xóa thiết bị kết nối
		Gán kết quả mẫu, mẫu in kết quả cho thiết bị kết nối
6	Quản lý thông tin bệnh nhân	Hiển thị danh sách thông tin bệnh nhân
		Thêm mới thông tin bệnh nhân
		Chỉnh sửa thông tin bệnh nhân
		Cập nhật thông tin bệnh nhân từ HIS thông qua mã bệnh nhân
		Xóa thông tin bệnh nhân
7	Quản lý thông tin chỉ định	Hiển thị thông tin chỉ định
		Thêm mới chỉ định
		Chỉnh sửa thông tin chỉ định
		Cập nhật thông tin chỉ định thông qua mã chỉ định
		Xóa chỉ định
8	Quản lý ca chụp	Vô hiệu hóa ca chụp
		Khôi phục ca chụp
		Đổi thông tin thư mục lưu trữ hình ảnh cho ca chụp

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
9	Hiển thị danh sách, thông tin ca chụp	Hiển thị danh sách ca chụp theo khoảng thời gian
		Hiển thị danh sách ca chụp theo loại dịch vụ
		Hiển thị danh sách ca chụp theo thông tin bệnh nhân
		Hiển thị danh sách ca chụp theo trạng thái: mỗi trạng thái của ca chụp phải được phân biệt bằng một biểu tượng khác nhau: chưa đọc, đang đọc, đã đọc xong, yêu cầu hội chẩn, đang hội chẩn, đã hội chẩn xong, đang duyệt, đã duyệt xong, chưa in, đã in.
		Hiển thị danh sách ca chụp theo thiết bị chụp
		Hiển thị thông tin ca chụp
		Hiển thị thông tin kết quả ca chụp
10	Quản lý lịch sử chiếu chụp	Tìm kiếm lịch sử chiếu chụp dự theo mã bệnh nhân
		Hiển thị danh sách lịch sử chiếu chụp của bệnh nhân khi click chuột vào ca chụp bất kỳ trong danh sách ca chụp
11	Quản lý giao diện cá nhân hóa	Chức năng cấu hình hiển thị giao diện theo loại màn hình làm việc (ngang/dọc)
		Chức năng cấu hình chế độ màn hình đơn: một giao diện hiển thị thông tin hành chính của bệnh nhân, ca chụp + một giao diện hiển thị hình ảnh
		Chức năng cấu hình chế độ màn hình tổng hợp: một giao diện vừa hiển thị thông tin

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		hành chính của bệnh nhân, ca chụp vừa hiển thị hình ảnh của ca chụp
		Chức năng cấu hình ẩn/hiện thông tin bộ lọc tìm kiếm
12	Quản lý, biên tập dữ liệu cá nhân	Tạo thư mục yêu thích
		Xóa thư mục yêu thích
		Thêm ca chụp vào thư mục yêu thích
		Loại bỏ ca chụp khỏi thư mục yêu thích
13	Phân quyền truy cập các ca chụp theo từng máy chụp riêng biệt	Phân quyền chỉ xem thông tin và hình ảnh
		Phân quyền chỉ đọc kết quả
		Phân quyền được hội chẩn ca chụp
		Phân quyền được duyệt kết quả ca chụp
		Phân quyền được sửa và cập nhật thông tin bệnh nhân, thông tin ca chụp
		Phân quyền được hủy kết quả ca chụp
		Phân quyền được xem thống kê, báo cáo
		Phân quyền được xóa series ảnh trong ca chụp
14	Trả kết quả ca chụp	Nhận đọc kết quả cho ca chụp
		Lựa chọn kết quả mẫu
		Lựa chọn kỹ thuật viên thực hiện
		Lựa chọn vật tư tiêu hao
		Nhập thông tin mô tả, kết luận cho ca chụp
		Duyệt kết quả cho ca chụp

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
15	Quản lý kết quả ca chụp	Xem chi tiết kết quả ca chụp
		Xem kết quả của người dùng tham gia đọc kết quả ca chụp
		In kết quả ca chụp
16	In riêng hình ảnh bệnh lý kết quả chẩn đoán	Lựa chọn khổ giấy in dọc hay ngang
		Lựa chọn mẫu in ảnh
		Lựa chọn số lượng và bố cục hiển thị hình ảnh: tối thiểu có thể hỗ trợ bố cục lên đến 8x5 hình ảnh/1trang.
		Lựa chọn số lượng và bố cục hiển thị hình ảnh trang hai với mẫu in có hơn 1 trang: tối thiểu có thể hỗ trợ bố cục lên đến 8x5 hình ảnh/1trang.
		Hiển thị danh sách các ảnh nội soi, cho phép kéo thả từng ảnh vào từng ô trong bố cục hình ảnh của trang in.
		Cho phép đặt chiều rộng tối đa thống nhất cho mỗi ảnh của từng trang.
		In hình ảnh bệnh lý
17	Đồng bộ dữ liệu hai chiều với HIS	Cập nhật ca chụp từ HIS
		Lấy chỉ định từ HIS
		Đồng bộ kết quả hai chiều HIS - PACS
		Chức năng lọc những ca chưa đồng bộ thành công với HIS
		Chức năng gửi lại các ca chụp chưa đồng bộ thành công sang HIS

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
18	Chia sẻ toàn bộ ca chụp và lịch sử chiếu chụp của bệnh nhân	Cho phép chọn khoảng thời gian chia sẻ
		Cho phép chọn ngày hết hạn
		Cho phép đặt mật khẩu
		Cho phép lựa chọn mã hóa thông tin bệnh nhân
		Tạo QR-Code cho chia sẻ ca chụp
		Tạo link web truy cập cho chia sẻ ca chụp
		Kết quả chia sẻ phải chia sẻ được toàn bộ hình ảnh cũng như kết quả chẩn đoán cho tất cả các lần chiếu chụp của bệnh nhân trên hệ thống
19	Quản lý chữ ký số người dùng	Đăng ký thông tin ký số
		Thay đổi thông tin ký số
		Ký số cho kết quả ca chụp
20	Thống kê, báo cáo	Thống kê chung
		Thống kê bác sĩ
		Thống kê kỹ thuật viên
		Thống kê theo thời gian
		Thống kê chi tiết
21	Quản lý mẫu kết quả thông minh	Chọn loại mẫu kết quả
		Chọn mẫu kết quả
		Gán mẫu kết quả với chỉ định
		Cho phép gán 1 mẫu kết quả với 1 hoặc nhiều chỉ định
		Cho phép gán 1 chỉ định với 1 hoặc nhiều mẫu kết quả

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
22	Trả kết quả chuyên sâu bốn cấp độ	Cho phép nhận đọc kết quả
		Cho phép soạn thảo kết quả
		Đánh dấu ca chụp đã đọc xong
		Cho phép nhận hội chẩn kết quả
		Cho phép soạn thảo kết quả hội chẩn
		Đánh dấu ca chụp đã hội chẩn xong
		Cho phép nhận duyệt kết quả
		Cho phép soạn thảo kết quả duyệt
		Đánh dấu ca chụp đã duyệt xong
		Cho phép ký số kết quả
		Đánh dấu ca chụp đã in
23	Quản lý hiệu năng làm việc của Bác sĩ	Đặt định mức thời gian tối đa cho thực hiện ca chụp và trả kết quả
		Cảnh báo nếu thời gian thực hiện vượt quá ngưỡng thời gian định mức cho phép
		Lọc các ca chụp quá hạn
		Hiển thị danh sách ca chụp quá hạn
24	Quản lý, theo dõi trạng thái ca chụp	Lọc và hiển thị các ca chụp ở trạng thái chưa đọc kết quả
		Lọc và hiển thị các ca chụp ở trạng thái đang đọc kết quả
		Lọc và hiển thị các ca chụp ở trạng thái đã đọc kết quả xong
		Lọc và hiển thị các ca chụp ở trạng thái yêu cầu hội chẩn
		Lọc và hiển thị các ca chụp ở trạng thái đang hội chẩn

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Lọc và hiển thị các ca chụp ở trạng thái đã hội chẩn xong
		Lọc và hiển thị các ca chụp ở trạng thái đang duyệt kết quả
		Lọc và hiển thị các ca chụp ở trạng thái đã duyệt kết quả xong
		Lọc và hiển thị ca chụp theo tình trạng đồng bộ HIS
		Lọc và hiển thị ca chụp quá hạn trả kết quả
25	Trả kết quả ca chụp nâng cao	Cho phép hiển thị toàn bộ kết luận của các chỉ định lịch sử ca chụp trên giao diện trả kết quả
		Cho phép lưu kết quả hiện tại thành mẫu kết quả mới trên giao diện trả kết quả
		Cho phép lựa chọn hình ảnh bệnh lý vào mẫu kết quả trên giao diện trả kết quả
		Cho phép lựa chọn định dạng mẫu in theo định dạng dựng sẵn
		Cho phép ký số lên kết quả chẩn đoán
26	Phân quyền người dùng	Hiển thị danh sách tài khoản được phân quyền
		Phân quyền cho người dùng mới
		Chỉnh sửa quyền cho người dùng
		Phân quyền theo nhóm người dùng
27	Quản lý chia sẻ, hội chẩn ca chụp	Yêu cầu hội chẩn ca chụp
		Hủy yêu cầu hội chẩn
		Tham gia hội chẩn ca chụp

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Kết thúc phiên hội chẩn
28	Kết nối với các hệ thống PACS khác	Hiển thị danh sách các hệ thống PACS đã kết nối
		Khai báo thông tin hệ thống PACS mới
		Chỉnh sửa thông tin hệ thống PACS đã kết nối
		Loại bỏ hệ thống PACS đã kết nối
		Gửi ca chụp sang hệ thống đã kết nối
29	Kết nối với các hệ thống AI	Có khả năng kết nối với các hệ thống AI hiện có trên thị trường theo tiêu chuẩn DICOM
30	Biên tập mẫu kết quả cá nhân	Hiển thị danh sách mẫu kết quả cá nhân
		Thêm mới mẫu kết quả cá nhân
		Chỉnh sửa mẫu kết quả cá nhân
		Xóa mẫu kết quả cá nhân
31	Hỗ trợ RIS trên mobile	Hiển thị danh sách ca chụp
		Hiển thị thông tin ca chụp
		Hiển thị lịch sử kết quả ca chụp
		Hỗ trợ đọc kết quả cho ca chụp
		Toàn bộ các tính năng từ 1 đến 30 trong mục này phải hoạt động được trên Mobile
V	Nhóm chức năng lưu trữ hình ảnh VNA	
1	Quản lý, theo dõi hệ thống	Theo dõi hoạt động của CPU
		Theo dõi hoạt động của RAM
		Theo dõi hoạt động của Ổ cứng
		Theo dõi hoạt động của Mạng

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Theo dõi luồng vào ra, đọc ghi của máy chủ
		Theo dõi các tiến trình đang hoạt động của máy chủ
2	Quản lý Log hệ thống	
		Lưu trữ log hệ thống
		Lựa chọn log hệ thống
		Hiển thị nội dung log hệ thống
		Tim kiếm trong log hệ thống
		Xóa log hệ thống
3	Quản lý dịch vụ DICOM-Storage	Cấu hình thông số DICOM-Storage: AETitle, Port
		Cấu hình định danh hình ảnh theo AETitle
		Cấu hình định danh hình ảnh theo AETitle + tên bệnh viện
		Cấu hình định danh hình ảnh theo AETitle + tên bệnh viện + Modality
		Cấu hình định danh hình ảnh theo các Tham số tự định nghĩa
		Bật/tắt mã hóa thông tin hình ảnh khi nhận từ máy chụp
		Bật/tắt dịch vụ DICOM-Storage
4	Quản lý dịch vụ DICOM-Worklist	Cấu hình thông số DICOM-Worklist: AETitle, Port
		Cấu hình định danh máy chụp theo AETitle

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Cấu hình định danh máy chụp theo AETitle + loại chỉ định
		Cấu hình định danh máy chụp theo các tham số định danh tự định nghĩa
		Bật/tắt dịch vụ DICOM- Worklist
5	Quản lý dịch vụ DICOM-Query	Cấu hình thông số DICOM- Query: AETitle, Port
		Cấu hình định danh server nhận ảnh theo AETitle
		Cấu hình định danh server nhận ảnh theo AETitle + loại chỉ định
		Cấu hình định danh server nhận ảnh theo các tham số định danh tự định nghĩa
		Bật/tắt dịch vụ DICOM- Query
6	Quản lý dịch vụ MPPS	Cấu hình thông số MPPS: AETitle, Port
		Cấu hình định danh máy chụp theo AETitle
		Cấu hình định danh máy chụp theo AETitle + loại chỉ định
		Cấu hình định danh máy chụp theo AETitle + loại chỉ định + tham số định danh tự định nghĩa
7	Thu nhận hình ảnh từ máy chụp	Thu nhận và lưu trữ các hình ảnh định dạng DICOM
		Thu nhận và lưu trữ các hình ảnh dạng Non-DICOM tối thiểu gồm các định dạng tiêu chuẩn: Jpeg, Jpeg2000, Png, Pdf, Doc, mp4, mp3,

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chuyên đổi các hình ảnh từ định dạng Non-DICOM sang định dạng ảnh DICOM để lưu trữ
		Thu nhận các Hình ảnh Giải phẫu bệnh, tối thiểu bao gồm các định dạng tiêu chuẩn: Aperio (.svs, .tif), DICOM (.dcm), Hamamatsu (.vms, .vmu, .ndpi), Leica (.scn), MIRAX (.mrxs), Philips (.tiff), Sakura (.svslide), Trestle (.tif), Ventana (.bif, .tif), Generic tiled TIFF (.tif)
8	Xử lý hình ảnh lưu trữ	Chức năng nén hình ảnh khi nhận
		Chức năng tách hình ảnh theo xung cho ảnh CT tim, MRI tim, Siêu âm tim
		Chức năng tái tạo hình ảnh cắt lớp từ ảnh SPECT, SPECT/CT (SPECT recon)
9	Nén hình ảnh	Hỗ trợ chuẩn nén JPEG lossless.
		Hỗ trợ chuẩn nén JPEG lossy
		Hỗ trợ chuẩn nén JPEG2000
		Hỗ trợ chuẩn nén Uncompressed.
10	Quản lý lưu trữ dữ liệu	Cấu hình thư mục lưu trữ chính
		Cấu hình thời gian lưu trữ trên máy chủ hoặc trên SAN
		Cho phép Xóa dữ liệu ảnh trên máy chủ hoặc trên SAN khi qua thời gian lưu trữ
		Cấu hình thư mục lưu trữ dài hạn (NAS)
		Cấu hình thời gian lưu trữ trên NAS
		Cấu hình chuẩn nén ảnh khi lưu trữ trên NAS, nén ảnh lưu trữ trên NAS theo chuẩn nén này

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Cấu hình chất lượng hình ảnh nén
		Cấu hình thư mục sao lưu dữ liệu CSDL
		Cấu hình lệnh sao lưu tự động
		Thực thi sao lưu
11	Quản lý kết nối máy sinh ảnh	Tiếp nhận, thêm mới máy sinh ảnh
		Chức năng cho phép hoặc từ chối nhận hình ảnh từ máy sinh ảnh
		Chức năng cho phép hoặc từ chối cấp danh sách chỉ định tới máy sinh ảnh
		Chức năng cấu hình định danh cho các máy sinh ảnh, định danh này có thể theo tiêu chí tự định nghĩa của người dùng
12	Quản lý lịch sử truyền tải, gửi nhận hình ảnh	Hiển thị danh sách gửi/nhận hình ảnh tới hệ thống PACS, tối thiểu bao gồm các thông tin: trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy gửi (Aetitle, IP)
		Lọc ca chụp theo trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy gửi (Aetitle, IP)
		Các trạng thái gửi xong, gửi lỗi phải được hiển thị phân biệt trên danh sách
13	Quản lý dịch vụ in ảnh	Hiển thị danh sách các ca chụp đã in ảnh, tối thiểu bao gồm các thông tin: trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy in (Aetitle, IP), họ tên người in
		Lọc ca chụp theo trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy in (Aetitle, IP), họ tên người in
		Các trạng thái in xong, in lỗi phải được hiển thị phân biệt trên danh sách

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Thống kê, báo cáo danh sách ca chụp in phim
14	Quản lý kết nối với các hệ thống PACS khác	Hiển thị danh sách các hệ thống PACS khác tới hệ thống PACS, tối thiểu bao gồm các thông tin: trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy chủ PACS khác (Aetitle, IP)
		Lọc ca chụp theo trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy gửi (Aetitle, IP)
		Các trạng thái hoạt động, ngừng hoạt động phải được hiển thị phân biệt trên danh sách
		Kiểm tra kết nối tới PACS khác
		Hủy quyền kết nối đối với các PACS khác
		Xóa danh sách các PACS khác
15	Quản lý, bảo mật dữ liệu Y khoa	TLS DICOM
		Kiểm soát thông qua tài khoản người dùng, quyền truy cập và loại máy
		Giao thức web an toàn và mã hóa: 128 bit và mã SSL
		Mã hóa mật khẩu bằng hàm băm PBKDF2, Scrypt, Bcrypt kết hợp với salt tránh tấn công
		Cơ chế quản lý, bảo mật và quản lý phiên/token
		Chuyển đổi/mã hóa (encode) các dữ liệu trước khi xử lý
12	Quản lý lịch sử truyền tải, gửi nhận hình ảnh	Hiển thị danh sách gửi/nhận hình ảnh tới hệ thống PACS, tối thiểu bao gồm các

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Thông tin: trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy gửi (Aetitle, IP)
		Lọc ca chụp theo trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy gửi (Aetitle, IP)
		Các trạng thái gửi xong, gửi lỗi phải được hiển thị phân biệt trên danh sách
13	Quản lý dịch vụ in ảnh	Hiển thị danh sách các ca chụp đã in ảnh, tối thiểu bao gồm các thông tin: trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy in (Aetitle, IP), họ tên người in
		Lọc ca chụp theo trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy in (Aetitle, IP), họ tên người in
		Các trạng thái in xong, in lỗi phải được hiển thị phân biệt trên danh sách
		Thống kê, báo cáo danh sách ca chụp in phim
14	Quản lý kết nối với các hệ thống PACS khác	Hiển thị danh sách các hệ thống PACS khác tới hệ thống PACS, tối thiểu bao gồm các thông tin: trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy chủ PACS khác (Aetitle, IP)
		Lọc ca chụp theo trạng thái, thời gian, họ tên, thông tin máy gửi (Aetitle, IP)
		Các trạng thái hoạt động, ngừng hoạt động phải được hiển thị phân biệt trên danh sách
		Kiểm tra kết nối tới PACS khác
		Hủy quyền kết nối đối với các PACS khác
		Xóa danh sách các PACS khác

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
15	Quản lý, bảo mật dữ liệu Y khoa	TLS DICOM
		Kiểm soát thông qua tài khoản người dùng, quyền truy cập và loại máy
		Giao thức web an toàn và mã hóa: 128 bit và mã SSL
		Mã hóa mật khẩu bằng hàm băm PBKDF2, Scrypt, Bcrypt kết hợp với salt tránh tấn công
		Cơ chế quản lý, bảo mật và quản lý phiên/token
		Chuyển đổi/mã hóa (encode) các dữ liệu trước khi xử lý
VI	Chức năng xử lý ảnh trung tâm	
1	Kết nối hai chiều với Server Pacs hoặc VNA	Chức năng cho phép kết nối giữa hệ thống xử lý ảnh trung tâm với các hệ thống Server Pacs hoặc VNA theo chuẩn DICOM
2	Chức năng phân phối hình ảnh tới các trạm xử lý ảnh (Workstation)	Chức năng cho phép quản lý và phân phối hình ảnh tới các trạm làm việc (Workstation)
3	Chức năng tiền xử lý hình ảnh CT Tim	Chức năng tách hình ảnh theo xung cho ảnh CT tim
4	Chức năng tiền xử lý hình ảnh MRI Tim	Chức năng tách hình ảnh theo xung cho ảnh MRI tim
5	Chức năng tiền xử lý hình ảnh Siêu âm Tim	Chức năng tách hình ảnh theo xung cho ảnh Siêu âm tim
6	Chức năng tái tạo hình ảnh cắt lớp từ ảnh SPECT, SPECT/CT (SPECT recon)	Chức năng cho phép tái tạo hình ảnh cắt lớp từ ảnh SPECT, SPECT/CT (SPECT recon)

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
7	Chức năng tiền xử lý hình ảnh	Chức năng làm tăng chất lượng hình ảnh trước khi gửi xuống máy trạm (Workstation) xử lý
8	Nhận và xử lý dữ liệu tái tạo từ các trạm làm việc (Workstation) gửi về	Chức năng cho phép nhận và xử lý hình ảnh, dữ liệu tái tạo từ các trạm làm việc (Workstation) gửi về
9	Đồng bộ dữ liệu, hình ảnh với hệ thống Server Pacs hoặc VNA	Chức năng cho phép hệ thống tự động đồng bộ dữ liệu, hình ảnh với hệ thống Server Pacs hoặc VNA
10	Chức năng tạo cuộc họp	Chức năng cho phép tạo các cuộc họp từ yêu cầu của Client
11	Chức năng điều hướng cuộc họp	Chức năng điều hướng cuộc họp theo các phòng
12	Chức năng quản lý và phân luồng video cuộc họp	Chức năng quản lý và phân luồng video cuộc họp theo các phòng
13	Chức năng trộn video với mô hình MCU	Chức năng cho phép trộn các video theo mô hình MCU để phân phối tới các client
14	Hỗ trợ công nghệ hội nghị truyền hình mềm server	Hỗ trợ công nghệ Per to per; Hỗ trợ mô hình SFU; Hỗ trợ mô hình MCU; Hỗ trợ cơ chế hybrid SFU kết hợp MCU; Hỗ trợ công nghệ BWE cân bằng băng thông; Hỗ trợ mô hình HA, LB; Hỗ trợ mã hóa đầu cuối; Hỗ trợ công nghệ nén video PV8, PV9, H264.
VII	Chức năng truyền tải và xử lý ảnh PACS	
1	Chức năng cấu hình hệ thống	Chức năng cấu hình tham số hiển thị cho hệ thống
		Chức năng cấu hình động cho hệ thống hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc trên trái khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin,

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động cho hệ thống hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc trên phải khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động cho hệ thống hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc dưới phải khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động cho hệ thống hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc dưới trái khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
2	Chức năng cấu hình cá nhân hóa	Cho phép cấu hình thông số cá nhân hóa cho từng người dùng cụ thể
		Tạo thư mục lưu trữ mới
		Xóa thư mục lưu trữ
		Thay đổi tên thư mục lưu trữ
		Chức năng cấu hình động theo từng tài khoản Bác sĩ hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc trên trái khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động theo từng tài khoản Bác sĩ hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc trên phải khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động theo từng tài khoản Bác sĩ hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc dưới phải khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động theo từng tài khoản Bác sĩ hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc dưới trái khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
3	Chức năng điều khiển chế độ cửa sổ hiển thị hình ảnh	Chế độ hiển thị 1 cửa sổ cho 1 loạt ảnh (series/layout)
		Chế độ hiển thị 2 cửa sổ cho 2 loạt ảnh (series/layout)
		Chế độ hiển thị 4 cửa sổ cho 4 loạt ảnh (series/layout)
		Chế độ hiển thị nhiều cửa sổ cho nhiều loạt ảnh (series/layout)
		Chế độ hiển thị 1 cửa sổ cho 1 hình ảnh (image/layout)

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chế độ hiển thị 2 cửa sổ cho 2 hình ảnh (image/layout)
		Chế độ hiển thị 4 cửa sổ cho 4 hình ảnh (image/layout)
		Chế độ hiển thị nhiều cửa sổ cho nhiều hình ảnh (image/layout)
4	Công cụ điều khiển hướng hiển thị hình ảnh	Quay ảnh cùng chiều kim đồng hồ
		Quay ảnh ngược chiều kim đồng hồ
		Quay ảnh từ trái qua phải
		Quay ảnh từ phải qua trái
		Quy ảnh tự do theo góc bất kỳ
		Chức năng hiển thị ảnh dương bản
		Chức năng hiển thị ảnh âm bản
		Điều khiển ảnh tự động hiển thị lần lượt từng ảnh (Cine)
5	Chức năng xử lý cơ bản hình ảnh 2D phục vụ chẩn đoán	Cuộn để hiển thị từng hình ảnh
		Phóng to hình ảnh
		Thu nhỏ hình ảnh
		Điều chỉnh tăng độ đen
		Điều chỉnh tăng độ trắng
		Di chuyển trung tâm hình ảnh theo hướng di chuột
		Đặt lại chế độ hiển thị như ban đầu
		Lựa chọn thư mục series ảnh để hiển thị

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
6	Chức năng xử lý tự động chế độ hình ảnh 2D phục vụ chẩn đoán	Xử lý hình ảnh chế độ hiển thị mặc định
		Xử lý hình ảnh chế độ hiển thị cho não.
		Xử lý hình ảnh chế độ hiển thị xương, cột sống
		Xử lý hình ảnh chế độ hiển thị phổi
		Xử lý hình ảnh chế độ hiển thị trung thất
		Xử lý hình ảnh chế độ hiển thị vùng bụng
		Xử lý hình ảnh chế độ hiển thị gan
		Xử lý hình ảnh chế độ hiển thị mạch máu
7	Chức năng đo ở chế độ hình ảnh 2D phục vụ chẩn đoán	Đo đường thẳng
		Đo theo hình đa giác
		Đo một vùng tròn, elip tìm tỷ trọng, diện tích
		Đo góc bất kỳ
		Đo hình vuông tìm tỷ trọng, diện tích
		Đánh dòng chữ ghi chú lên vùng chẩn đoán
		Đo và hiển thị đường kính lòng mạch tại vị trí hẹp
		Đo và hiển thị đường kính lòng mạch sau vị trí hẹp
		Đo và hiển thị đường kính mạch tại vị trí hẹp

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Tự động tính toán ra giá trị các chỉ số đo độ hẹp động mạch cảnh trong – NASCET với ECST
		Loại bỏ từng dòng chữ ghi chú
		Loại bỏ toàn bộ dòng chữ ghi chú
		Loại bỏ phép đo
8	Chức năng đo thể tích khối trụ elip	Cho phép đo và tính toán thể tích cho khối trụ elip trên hai cửa sổ ảnh
		Đo và hiển thị độ dài đường kính nhỏ trên cửa sổ ảnh 1
		Đo và hiển thị độ dài đường kính lớn trên cửa sổ ảnh 1
		Đo và hiển thị độ chiều cao trên cửa sổ ảnh 2
		Tự động tính toán thể tích hồi
		Loại bỏ phép đo
9	Đo chỉ số tim-ngực	Cho phép đo và tự động tính chỉ số tim-ngực
		Chọn chế độ đo tỷ lệ tim và ngực
		Vẽ chỉnh đường đo tim
		Vẽ đường đo ngực
		Điều chỉnh đường đo tim
		Điều chỉnh đường đo ngực
		Tính toán kết quả theo mm
		Tính toán lại sau khi điều chỉnh đường đo
		Thiết lập lại chế độ ban đầu
		Loại bỏ phép đo

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
10	Chức năng đo thể tích khối bất kỳ trên series ảnh	Cho phép đo và tính toán thể tích cho khối bất kỳ trên series ảnh
		Vẽ vùng cần đo trên ảnh đầu tiên
		Vẽ vùng cần đo trên ảnh thứ hai
		Vẽ vùng cần đo trên ảnh tiếp theo...
		Tự động tính thể tích theo từng phép vẽ
		Loại bỏ phép đo
11	Hiển thị thông tin ảnh	Xem thông tin phiên bản công cụ hiển thị hình ảnh
		Xem thông tin bệnh nhân ghi trên ảnh
		Ẩn thông tin bệnh nhân ghi trên ảnh
		Xem thông tin ca chụp
		Xem thông tin series ảnh
		Xem thông tin instance ảnh (đối tượng ảnh) và chi tiết ảnh
		Xem thông tin thiết bị chụp
		Xem thông tin chỉ mục ID của toàn bộ ca chụp
12	Cấu hình hiển thị thông tin ca chụp trên màn hình hiển thị hình ảnh	Cho phép cấu hình cách thứ hiển thị thông tin tại các góc hiển thị hình ảnh
		Chức năng cấu hình động theo từng tài khoản Bác sĩ hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc trên trái khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chức năng cấu hình động theo từng tài khoản Bác sĩ hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc trên phải khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động theo từng tài khoản Bác sĩ hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc dưới phải khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động theo từng tài khoản Bác sĩ hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc dưới trái khung hình bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Về cấu hình mặc định
13	Chế độ so sánh, đồng bộ ảnh theo series	Đồng bộ ảnh giữa các series theo chỉ mục ảnh
		Đồng bộ ảnh giữa các series theo vị trí chụp
		Đồng bộ ảnh giữa các series theo chế độ phóng to
		Đồng bộ ảnh giữa các series theo chế độ thu nhỏ
		Đồng bộ ảnh giữa các series theo chế độ di chuyển ảnh
		Đồng bộ ảnh giữa các series theo chế độ quay ảnh

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Đồng bộ ảnh giữa các series theo mức độ cửa sổ
		Đặt lại chế độ hiển thị mặc định sau khi đồng bộ
14	Dựng ảnh ở chế độ đa bình diện MPR (Multiplanar reconstructions)	Hiển thị mặt cắt ngang Axial
		Hiển thị mặt cắt thẳng đứng dọc Sagital
		Hiển thị mặt cắt phẳng vành Coronal
		Thiết đặt độ dày lát cắt mặc định
		Thiết đặt độ dày lát cắt theo mức độ tùy chọn
		Thiết đặt độ dày lát cắt theo trục
		Tái tạo ảnh MIP trên từng mặt phẳng
		Cho phép dựng ảnh VRT trên từng mặt phẳng
		Cho phép chuyển từ ảnh VRT về cửa sổ 2D
		Cho phép đo đạc: đo khoảng cách, đo HU trên các mặt phẳng MPR
		Cho phép chú thích: mũi tên, văn bản trên các mặt phẳng MPR
		Cho phép tạo ảnh bệnh lý trên từng mặt phẳng MPR
		Cho phép tạo ảnh bệnh lý tổng thể bao gồm cả ba mặt phẳng MPR
		Lưu lại các hình ảnh bệnh lý như một series của ca chụp

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
15	Tái tạo series ảnh DICOM trên cửa sổ MPR	Cho phép tái tạo lại các series trên các mặt phẳng MPR
		Chọn cửa sổ ảnh muốn tái tạo ảnh trên MPR
		Chọn vùng dữ liệu ảnh cần tái tạo bằng cách di chuyển đường phạm vi trên cửa sổ MPR.
		Chọn độ dày lát cắt và tính toán ra số lượng ảnh sẽ được tạo ra (số lượng ảnh = độ rộng vùng dữ liệu/độ dày lát cắt), hiển thị độ dày lát cắt trên vùng dữ liệu ảnh tái tạo.
		Áp dụng các phép: xoay trục, MIP, MinIP cho vùng dữ liệu cần tái tạo
		Cắt bỏ vùng dữ liệu không cần thiết tùy ý theo người sử dụng trên vùng dữ liệu cần tái tạo.
		Đặt tên cho series ảnh sau tái tạo
		Lưu trực tiếp dữ liệu tái tạo lên máy chủ PACS theo chuẩn DICOM
		Xóa series ảnh tái tạo
16	Dựng ảnh ở chế độ đa bình diện cong CPR (Curveplanar reconstructions)	Hiển thị giao diện CPR
		Định nghĩa đường cắt cong bằng cách click chuột để chọn các điểm trên đường cắt
		Hoàn thành đường cắt
		Hiển thị hình ảnh theo đường cắt

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Cho phép hiệu chỉnh các điểm của đường cắt trên cả ba mặt phẳng Axial, Coronal, Sagittal
		Hiển thị cập nhật hình ảnh theo đường cắt sau hiệu chỉnh
		Hiển thị một số mặt cắt vuông góc với đường cắt (tối thiểu 04 mặt cắt), Có thể xoay hoặc di chuyển các mặt cắt theo đường cắt để đánh giá bề mặt của đường cắt.
		Cho phép đo đạc: đo khoảng cách, đo HU trên các mặt phẳng CPR
		Cho phép chú thích: mũi tên, văn bản trên các mặt phẳng CPR
		Cho phép tạo ảnh bệnh lý trên từng mặt phẳng CPR
		Cho phép tạo ảnh bệnh lý tổng thể bao gồm cả ba mặt phẳng CPR
		Lưu lại các hình ảnh bệnh lý như một series của ca chụp
17	Dựng ảnh chế độ VRT (volume rendering) cơ bản	Hiển thị màn hình tái tạo hình ảnh VRT
		Hiển thị mặt cắt ngang Axial trên VRT
		Hiển thị mặt cắt thẳng đứng dọc Sagittal trên VRT
		Hiển thị mặt cắt phẳng vành Coronal trên VRT
		Quay hình ảnh 3D theo các hướng
		Di chuyển hình ảnh VRT

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Phóng to hình ảnh VRT
		Thu nhỏ hình ảnh VRT
		Cho phép đo đạc: đo khoảng cách, đo HU trên các mặt phẳng VRT
		Cho phép chú thích: mũi tên, văn bản trên các mặt phẳng VRT
		Cho phép tạo ảnh bệnh lý trên từng mặt phẳng VRT
		Lưu lại các hình ảnh bệnh lý như một series của ca chụp
18	Dựng ảnh chế độ 3D VR (volume rendering) theo chế độ dựng sẵn	Dựng ảnh chế độ dựng sẵn mặc định
		Dựng ảnh chế độ dựng sẵn xương
		Dựng ảnh chế độ dựng sẵn tim
		Dựng ảnh chế độ dựng sẵn mạch
		Dựng ảnh chế độ dựng sẵn bụng
		Dựng ảnh chế độ dựng sẵn da
		Dựng ảnh chế độ dựng sẵn phổi
		Dựng ảnh chế độ dựng sẵn MIP
19	Dựng ảnh chế độ VRT (volume rendering) phục vụ chẩn đoán	Đặt lại bàn chụp
		Thay đổi mức cửa sổ hình ảnh 3D theo bác sĩ chỉ định
		Thay đổi mức cửa sổ hình ảnh 3D theo chế độ đặt sẵn
		Tách các vùng
		Cắt vùng không muốn hiển thị

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Hiển thị lại hình ảnh 3D sau cắt
		Cắt toàn bộ bàn chụp bằng cách click chuột một lần vào bàn chụp trên cửa sổ VRT
		Loại bỏ xương bằng cách click chuột vào vùng xương cần loại bỏ trên cửa sổ VRT
		Tự động Cine hình VRT với một góc tùy chỉnh theo trục thẳng đứng được Bác sĩ nhập vào.
		Tự động xuất hình VRT với một góc định sẵn theo trục thẳng đứng được bác sĩ nhập vào (Ví dụ: góc nhập vào là 10, hệ thống sẽ xuất ra $360:10 = 36$ hình ảnh tương ứng), các hình ảnh này sẽ được lưu như là một series ảnh tái tạo từ PACS theo chuẩn ảnh DICOM.
20	Dựng ảnh chế độ 3D Endo giả lập nội soi	Hiển thị màn hình tái tạo nội soi
		Thực hiện nội soi bước tiến
		Thực hiện nội soi bước lùi
		Trở lại bước bắt đầu
21	Hỗ trợ chẩn đoán nâng cao	Hiển thị đồng thời các ca chụp để so sánh (yêu cầu tối thiểu hỗ trợ hiển thị 10 ca chụp đồng thời)
		Lựa chọn không gian hiển thị (số lượng ca chụp cần so sánh)
		Lựa chọn hình ảnh ca chụp cùng bệnh nhân để so sánh
		Lựa chọn hình ảnh ca chụp khác bệnh nhân để so sánh

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Hiển thị tổng thể các hình ảnh muốn so sánh
		Hiển thị riêng từng hình ảnh muốn so sánh
		Có công cụ ghép ảnh cột sống đối với ảnh X-Quang: tái tạo ảnh X-Quang cột sống từ 2 hoặc nhiều ảnh X-quang cột sống riêng lẻ
22	So sánh ca chụp nâng cao trên mặt phẳng MPR	Cho phép so sánh hai của sổ MPR của hai series hình ảnh muốn so sánh
		Cho phép so sánh hai của sổ MPR của hai series hình ảnh muốn so sánh: cho phép chọn các series hình ảnh cần so sánh
		Cho phép chọn series hình ảnh thứ nhất
		Cho phép chọn series hình ảnh thứ hai (series ảnh này có thể của cùng ca chụp, có thể khác ca chụp và cũng có thể khác bệnh nhân)
		Dựng mặt phẳng MPR cho series thứ nhất, dựng mặt phẳng MPR cho series ảnh thứ 2 trên cùng một màn hình (của sổ MPR kép)
		Đồng bộ các thao tác: Xoay trục, di chuyển trục giữa hai của sổ MPR. Của sổ MPR này sẽ chịu điều khiển của trục trên của sổ MPR còn lại.
		Hiển thị đồng thời 2 mặt phẳng MPR trên cùng màn hình
23	Tạo ảnh bệnh lý nâng cao	Tạo ảnh bệnh lý trên toàn khung hình hiển thị

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 16:9
		Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 9:16
		Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 4:3
		Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 3:4
		Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 1:1
		Tạo ảnh bệnh lý với kích thước khung hình tùy chỉnh theo yêu cầu người sử dụng
		Lưu ảnh bệnh lý theo từng tài khoản bác sĩ tạo như một series hình ảnh của ca chụp
		Tắt khung hình
24	Xử lý hình ảnh trên thiết bị di động	Chức năng thanh trượt cuộn ảnh trên màn hình cảm ứng
		Chức năng phóng to/thu nhỏ trên 2 ngón tay
		Chức năng menu thu gọn trên màn hình cảm ứng
		Chức năng di chuyển ảnh với 1 ngón tay
		Chức năng thay đổi mức cửa sổ theo di chuyển 1 ngón tay
		Chức năng hiển thị series ảnh phía dưới hình ảnh trên màn hình cảm ứng
		Chức năng thiết lập lại khung ảnh mặc định trên

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chức năng chuyển đổi sang chế độ MPR, VRT
25	Trả kết quả trên PACS bằng video	Chức năng cho phép kết nối với Camera của máy tính, điện thoại và quay lại quá trình đọc kết quả của bác sĩ
		Hệ thống tự động lưu video chẩn đoán như một tài liệu đính kèm của ca chụp
		Xóa video chẩn đoán
26	Tái tạo hình ảnh Y học hạt nhân Fusion	Trộn và hiển thị ảnh PET, PET/CT, ảnh SPEC, SPEC/CT, đo đạc trên ảnh y học hạt nhân, tạo ảnh Key trực tiếp trên cửa sổ ảnh Y học hạt nhân
		Lựa chọn ảnh CT, Lựa chọn ảnh PET/SPET để trộn; Lựa chọn và thay đổi màu trộn Fusion
		Hiển thị giao diện cửa sổ Fusion bao gồm: Cửa sổ MPR ảnh CT, cửa sổ MPR ảnh PET/SPET, cửa sổ MPR ảnh trộn Fusion (9 khung hình)
		Áp dụng toàn bộ các chức năng MPR đối với giao diện cửa sổ Fusion bao gồm: Cửa sổ MPR ảnh CT, cửa sổ MPR ảnh PET/SPET, cửa sổ MPR ảnh trộn Fusion (9 khung hình)
		Phó to/thu nhỏ các cửa sổ MPR ảnh CT trên cửa sổ Fusion, cửa sổ MPR ảnh PET/SPET trên cửa sổ Fusion, cửa sổ MPR ảnh Fusion trên cửa sổ Fusion, 1 khung hình (trong 9 khung hình) trên cửa sổ Fusion. Trở lại cửa sổ Fusion.

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Tái tạo ảnh MIP trên từng mặt phẳng, Thiết đặt độ dày lát cắt theo trục
		Cho phép dựng ảnh VRT trên từng mặt phẳng
		Cho phép chuyển từ ảnh VRT về cửa sổ 2D
		Cho phép đo đạc: đo khoảng cách, đo HU, đo SUV trên các mặt phẳng MPR Fusion
		Cho phép chú thích: mũi tên, văn bản trên các mặt phẳng MPR Fusion
		Cho phép tạo ảnh bệnh lý trên từng mặt phẳng MPR Fusion
		Cho phép tạo ảnh bệnh lý tổng thể bao gồm cả ba mặt phẳng MPR Fusion
		Lưu lại các hình ảnh bệnh lý như một series của ca chụp
27	Chức năng xử lý ảnh Mammo	Nhóm Chức năng xử lý ảnh Mammo: di chuyển, phóng, chỉnh sáng/tối, âm bản
		Chức năng hiển thị ảnh Mammo với cửa sổ Craniocaudal (CC)
		Chức năng hiển thị ảnh Mammo với cửa sổ mediolateral oblique (MLO)
		Chức năng hiển thị ảnh Mammo với cửa sổ tích hợp CC + MLO
		Nhóm Chức năng đồng bộ xử lý ảnh Mammo: di chuyển, phóng, chỉnh sáng/tối trên các cửa sổ CC, MLO
		Tạo ảnh Key trực tiếp trên cửa sổ CC

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Tạo ảnh Key trực tiếp trên cửa sổ MLO
		Tạo ảnh Key trực tiếp trên cửa sổ tích hợp CC+MLO (Tạo ảnh bệnh lý trên toàn khung hình hiển thị; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 16:9; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 9:16; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 4:3; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 3:4; bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 1:1; Tạo ảnh bệnh lý với kích thước khung hình tùy chỉnh;)
		Lưu hình ảnh bệnh lý như một series ảnh của bệnh nhân, mỗi người dùng tạo ra ảnh bệnh lý đó phải lưu thành một series riêng biệt.
28	Chức năng xử lý ảnh DSA	Hiển thị liên tục hình ảnh DSA
		Chức năng chạy Cine tự động ảnh DSA
		Chức năng chạy ảnh DSA theo người sử dụng
		Tạo ảnh Key trực tiếp trên cửa sổ xem ảnh DSA (Tạo ảnh bệnh lý trên toàn khung hình hiển thị; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 16:9; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 9:16; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 4:3; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 3:4; bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 1:1; Tạo ảnh bệnh lý với kích thước khung hình tùy chỉnh;)

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Lưu hình ảnh bệnh lý như một series ảnh của bệnh nhân, mỗi người dùng tạo ra ảnh bệnh lý đó phải lưu thành một series riêng biệt.
29	Chức năng xử lý ảnh Giải phẫu bệnh nâng cao	Hiển thị ảnh giải phẫu bệnh siêu phân giải
		Chức năng cho phép hiển thị ảnh siêu phân giải thời gian thực trực tiếp trên hệ thống PACS
		Chức năng thao tác: zom, pan...
		Chức năng đo đạc
		Chức năng zoom theo vật kính: x2,x4,x8,x10, x20,x40,x80,x100
		Chức năng chú thích ảnh
		Chức năng đánh dấu ảnh
		Chức năng quản lý chú thích và đánh dấu
		Chức năng chọn và lưu vùng ảnh bệnh lý
		Chức năng tạo lấy mẫu hình ảnh theo vị trường, tạo ra series ảnh trên cùng 1 vị trường, giúp tất cả các lần quan sát là cùng vị trường, bao gồm: Chọn vật kính cần lấy mẫu hình ảnh; Nhập số lượng ảnh cần sinh dạng nxm ảnh, Sinh ảnh theo các thông số đã chọn (nxm ảnh được tạo ra); Tự động lưu toàn bộ hình ảnh sinh lên server; Tổ chức lưu trữ các ảnh sinh như một series ảnh của ca chụp

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Tạo ảnh Key trực tiếp trên cửa sổ xem ảnh Giải phẫu bệnh (Tạo ảnh bệnh lý trên toàn khung hình hiển thị; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 16:9; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 9:16; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 4:3; Tạo ảnh bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 3:4; bệnh lý thống nhất theo khung hình tỷ lệ 1:1; Tạo ảnh bệnh lý với kích thước khung hình tùy chỉnh;)
		Lưu hình ảnh bệnh lý như một series ảnh của bệnh nhân, mỗi người dùng tạo ra ảnh bệnh lý đó phải lưu thành một series riêng biệt.
		Chức năng xem ảnh giải phẫu bệnh trên mobile
30	In ảnh DICOM trên PACS	Chức năng cho phép kết nối với máy in thường
		Chức năng cho phép kết nối với máy in phim theo chuẩn DICOM
		Chức năng cấu hình động cho hệ thống hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc trên trái khung hình in bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động cho hệ thống hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc trên phải khung hình in bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động cho hệ thống hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc dưới phải khung hình in bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Chức năng cấu hình động cho hệ thống hiển thị các thông tin của bệnh nhân tại góc dưới trái khung hình in bao gồm: thêm trường thông tin, xóa trường thông tin, chọn cỡ chữ, chọn màu chữ, chọn loại hình ảnh áp dụng
		Lựa chọn cỡ phim in
		Lựa chọn số lượng hình ảnh và bố cục hiển thị trên phim in (hỗ trợ tối thiểu bố cục 5x5 trên một trang in)
		Cho phép chọn ảnh từ các series của ca chụp trên cùng một trang in
		Chức năng đồng bộ: sáng/tối, phóng/di chuyển
31	Kết nối thiết bị Non-DICOM	Cho phép kết nối và lấy dữ liệu với các thiết bị non-dicom như: máy siêu âm, máy nội soi, máy điện tim, máy điện não, camera phòng mổ...
		Chức năng cho phép chọn và hiển thị hình ảnh từ camera trên cửa sổ làm việc

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chức năng cho phép chụp hình từ camera cho hình ảnh của chỉ định
		Chức năng cho phép chụp ảnh trực tiếp trên cửa sổ hiển thị hình ảnh theo khung dựng sẵn hoặc theo khung tùy biến
		Chức năng cho phép phóng to hình ảnh từ camera
		Chức năng cho phép thêm và xóa hình ảnh trong danh sách
32	Chức năng trả kết quả Non-DICOM	Chức năng cho phép người dùng soạn thảo kết quả chẩn đoán hình ảnh cho các chỉ định bao gồm: mô tả kỹ thuật chụp, mô tả hình ảnh, kết luận chẩn đoán, đề nghị.
		Chức năng cho phép người dùng chọn mẫu cho phiếu in
		Chức năng cho phép người dùng chọn các hình ảnh bệnh lý tiêu biểu đưa vào phiếu in
		Chức năng cho phép người dùng chọn các hình ảnh bệnh lý tiêu biểu đưa vào phiếu in
		Chức năng cho phép quay vào lưu video vào hồ sơ hình ảnh của bệnh nhân
33	Chức năng đăng ký hội chẩn ca chụp	Chức năng cho phép yêu cầu/đăng ký hội chẩn ca chụp trực tiếp trên hệ thống PACS
		Chức năng cho phép tạo phòng hội chẩn cho mỗi một ca chụp riêng biệt trực tiếp trên hệ thống PACS

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chức năng cho phép tạo link chia sẻ ca chụp theo các chế độ bảo mật trực tiếp trên hệ thống PACS
		Chức năng tạo mã QR-Code truy cập ca hội chẩn trực tiếp trên hệ thống PACS
34	Chức năng tạo phòng hội chẩn cho ca chụp	Chức năng cho phép tạo phòng hội chẩn cho mỗi một ca chụp riêng biệt trực tiếp trên hệ thống PACS
		Bố cục trung tâm gồm 1 khung lớn ở trung tâm hiển thị hình ảnh điểm cầu chính, các khung nhỏ bố trí đều bốn hướng xung quanh (tối thiểu hiển thị được 10, 12, 24 khung hình) hiển thị video các điểm cầu tham dự;
		Bố cục hội chẩn gồm 1 khung lớn hiển thị điểm cầu chính, và các khung nhỏ hiển thị các điểm cầu tham dự (tối thiểu hiển thị được 8, 10, 12 khung hình).
		Bố cục lưới gồm các khung hình được chia có kích thước bằng nhau (tối thiểu hiển thị được lưới 3x3 khung hình).
		Hiển thị được danh sách video tại các điểm cầu, và lựa chọn tùy ý các video này vào các khung hình trong bố cục hiển thị.
35	Chức năng hội chẩn ca chụp	Mỗi ca hội chẩn sẽ được tạo một phòng họp trực tuyến trên hệ thống RIS-PACS
		Chức năng cho phép người dùng tham gia vào phòng hội chẩn trực tiếp trên hệ thống PACS
		Chức năng quản lý camera/mic: bật, tắt

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Chức năng cho phép chia sẻ màn hình hội chẩn
		Chức năng cho phép người tham gia hội chẩn với vai trò dự khám
		Chức năng cho phép các người tham gia hội chẩn có thể trò chuyện thông qua chức năng CHAT
		Chức năng cho phép người dùng tại các điểm cầu hoặc chủ phòng có quyền bật, tắt video tại các điểm cầu
		Chức năng cho phép chủ phòng có quyền mời tham gia hoặc mời thoát khỏi hội chẩn
		Chức năng cho phép các thành viên tham gia hội chẩn có thể chụp hình ảnh hội chẩn lưu vào hệ thống
		Chức năng bảng trắng cho phép các điểm cầu có thể chú thích đồng thời
		Chức năng cho phép chủ phòng biên tập các hình ảnh thu được trong quá trình hội chẩn
		Chức năng cho phép Lưu hình ảnh và video hội chẩn trực tiếp trên hệ thống PACS.
VIII	Chức năng xử lý ảnh Non-Dicom	
1	Hiển thị danh sách ca bệnh	Chức năng hiển thị danh sách ca chụp: chờ thực hiện, đã thực hiện
2	Kết nối thiết bị Non-DICOM	Cho phép kết nối và lấy dữ liệu với các thiết bị non-dicom như: máy siêu âm,

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		máy nội soi, máy điện tim, máy điện não, camera phòng mổ...
3	Chức năng chọn hình ảnh từ camera	Chức năng cho phép chọn và hiển thị hình ảnh từ camera trên cửa sổ làm việc
4	Chức năng chụp hình từ camera	Chức năng cho phép chụp hình từ camera cho hình ảnh của chỉ định
5	Chức năng chụp hình nâng cao từ camera	Chức năng cho phép chụp ảnh trực tiếp trên cửa sổ hiển thị hình ảnh theo khung dựng sẵn hoặc theo khung tùy biến
6	Chức năng zoom hình camera	Chức năng cho phép phóng to hình ảnh từ camera
7	Chức năng quản lý hình ảnh và camera	Chức năng cho phép thêm và xóa hình ảnh trong danh sách
8	Chức năng trả kết quả	Chức năng cho phép người dùng soạn thảo kết quả chẩn đoán hình ảnh cho các chỉ định bao gồm: mô tả kỹ thuật chụp, mô tả hình ảnh, kết luận chẩn đoán, đề nghị.
9	Chức năng chọn mẫu in	Chức năng cho phép người dùng chọn mẫu cho phiếu in
10	Chức năng chọn hình ảnh bệnh lý	Chức năng cho phép người dùng chọn các hình ảnh bệnh lý tiêu biểu đưa vào phiếu in
11	Chức năng quay video	Chức năng cho phép quay vào lưu video vào hồ sơ hình ảnh của bệnh nhân
12	Kết nối nâng cáo thiết bị Non-DICOM	Chức năng cho phép kết nối với các thiết bị, phần mềm Non-DICOM khác
13	Tích hợp hội chẩn trực tuyến	Chức năng tích hợp với công cụ hội chẩn
IX	Chức năng quản lý thông tin giải phẫu bệnh PIS	

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
1	Quản lý tiếp nhận mẫu	
		Tìm kiếm chỉ định(ngày, SID, tên bệnh nhân, loại bệnh phẩm, trạng thái mẫu)
		Hiển thị thông tin chi tiết của chỉ định
		Sửa thông tin chi tiết của chỉ định
		Xóa thông tin chi tiết của chỉ định
		Hiển thị Lịch sử các yêu cầu HMMD
		Tiếp nhận mẫu
		Thông báo tiếp nhận
		Thêm thông tin mẫu nhận được, thêm specimen, cassette, slide, In specimen, cassette, slide
		Sinh mã QR-code
2	Quản lý phẫu tích bệnh phẩm	
		Tìm kiếm chỉ định theo mã Specimen
		Ghi nhận người phẫu tích, KTV phẫu tích
		Ghi nhận thời gian bắt đầu phẫu tích, phẫu tích xong
		Chụp ảnh, quay video đại thể
		Ghi chú lên ảnh đại thể
		Upload ảnh đại thể
		Thêm, sửa, xóa cassette
		Sinh mã QR-code cho cassette
3	Quản lý chuyển mẫu	
		Tìm kiếm chỉ định theo mã Cassette
		Chọn trạm chuyển

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Ghi nhận thời gian chuyển, thời gian chuyển xong
		Hủy nhận thời gian chuyển, thời gian chuyển xong
4	Quản lý Đúc	
		Tìm kiếm chỉ định theo mã Cassette
		Chọn trạm đúc
		Ghi nhận thời gian đúc, thời gian đúc xong
		Hủy nhận thời gian đúc, thời gian đúc xong
5	Quản lý Cắt	
		Tìm kiếm chỉ định theo mã Cassette
		Thêm tiêu bản
		Xóa tiêu bản
		In mã tiêu bản
		Ghi nhận thời gian cắt
6	Quản lý Nhuộm	
		Tìm kiếm chỉ định theo mã Cassette
		Lựa chọn phương pháp nhuộm
		Sửa lựa chọn phương pháp nhuộm
		Ghi nhận thời gian nhuộm
7	Trả kết quả	
		Tìm kiếm chỉ định theo mã Slide

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
		Thông tin chỉ định
		Lịch sử khám
		Chọn hội đồng chuyên môn
		Chọn mẫu kết quả
		Nhập kết quả
		Chọn ảnh vi thể đã có sẵn
		Upload ảnh vi thể, ảnh key, ảnh đại thể
		Chụp ảnh key
		Lưu đọc
		Đọc(lưu đọc, đọc xong, sửa đọc, hủy)
		Hội chẩn(nhận hội chẩn, hội chẩn xong, hủy hội chẩn, lưu kết quả hội chẩn)
		Duyệt(Nhận duyệt, lưu duyệt, duyệt, hủy duyệt)
		Yêu cầu thêm: Cắt sâu, Hóa mô miễn dịch, Nhuộm đặc biệt
X	Chức năng xử lý hình ảnh giải phẫu bệnh IMS	
1	Hiện thị danh sách ca bệnh	Chức năng hiển thị danh sách ca chụp: chờ thực hiện, đã thực hiện
2	Kết nối máy scan tiêu bản	Chức năng kết nối với các máy scan tiêu bản theo chuẩn hình ảnh Giải phẫu bệnh nhận và lưu trữ hình ảnh
3	Kết nối kính hiển vi điện tử	Chức năng kết nối với kính hiển vi điện tử nhận và lưu trữ hình ảnh
4	Upload ảnh giải phẫu bệnh	Chức năng cho phép Upload và lưu trữ hình ảnh theo chuẩn ảnh giải phẫu bệnh

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
5	Chức năng hiển thị ảnh giải phẫu bệnh siêu phân giải	Chức năng cho phép hiển thị ảnh siêu phân giải thời gian thực trực tiếp trên hệ thống PACS
6	Chức năng thao tác: zom, pan...	Chức năng thao tác: zom, pan...
7	Chức năng đo đạc	Chức năng đo đạc
8	Chức năng zoom theo vật kính	Chức năng zoom theo vật kính
9	Chức năng chú thích ảnh	Chức năng chú thích ảnh
10	Chức năng đánh dấu ảnh	Chức năng đánh dấu ảnh
11	Chức năng quản lý chú thích và đánh dấu	Chức năng quản lý chú thích và đánh dấu
12	Chức năng chọn và lưu vùng ảnh bệnh lý	Chức năng chọn và lưu vùng ảnh bệnh lý
13	Chức năng tạo lấy mẫu hình ảnh theo vật kính	Chức năng tạo lấy mẫu hình ảnh theo vị trí, tạo ra series ảnh trên cùng 1 vị trí, giúp tất cả các lần quan sát là cùng vị trí.
14	Chức năng lưu ảnh mẫu	Chức năng lưu ảnh mẫu
15	Chức năng tạo ảnh Key	Chức năng tạo ảnh Key
16	Chức năng xem ảnh giải phẫu bệnh trên mobile	Chức năng xem ảnh giải phẫu bệnh trên mobile
XI	Chức năng hội chẩn từ xa TELE	
1	Chức năng đăng ký hội chẩn ca chụp	Chức năng cho phép yêu cầu/đăng ký hội chẩn ca chụp trực tiếp trên hệ thống PACS
2	Chức năng tạo phòng hội chẩn cho ca chụp	Chức năng cho phép tạo phòng hội chẩn cho mỗi một ca chụp riêng biệt trực tiếp trên hệ thống PACS

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
3	Chức năng tạo link chia sẻ ca chụp	Chức năng cho phép tạo link chia sẻ ca chụp theo các chế độ bảo mật trực tiếp trên hệ thống PACS
4	Chức năng tạo mã QR-Code ca chụp	Chức năng tạo mã QR-Code truy cập ca hội chẩn trực tiếp trên hệ thống PACS
5	Chức năng tham gia hội chẩn	Chức năng cho phép người dùng tham gia vào phòng hội chẩn trực tiếp trên hệ thống PACS
6	Chức năng quản lý Camera, mic	Chức năng quản lý camera/mic: bật, tắt
7	Chức năng chia sẻ màn hình	Chức năng cho phép chia sẻ màn hình hội chẩn
8	Chức năng dự khán ca hội chẩn	Chức năng cho phép người tham gia hội chẩn với vai trò dự khán
9	Chức năng trò chuyện	Chức năng cho phép các người tham gia hội chẩn có thể trò chuyện thông qua chức năng CHAT
10	Chức năng quản lý video, audio các điểm cầu	Chức năng cho phép người dùng tại các điểm cầu hoặc chủ phòng có quyền bật, tắt video tại các điểm cầu
11	Chức năng quản trị chủ phòng	Chức năng cho phép chủ phòng có quyền mời tham gia hoặc mời thoát khỏi hội chẩn
12	Chức năng chụp ảnh key tại các điểm cầu	Chức năng cho phép các thành viên tham gia hội chẩn có thể chụp hình ảnh hội chẩn lưu vào hệ thống
13	Chức năng chú thích bảng trắng trên màn hình hội chẩn	Chức năng bảng trắng cho phép các điểm cầu có thể chú thích đồng thời
14	Chức năng biên tập dữ liệu hội chẩn	Chức năng cho phép chủ phòng biên tập các hình ảnh thu được trong quá trình hội chẩn

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
15	Lưu video quá trình hội chẩn vào hồ sơ hình ảnh của người bệnh	Chức năng cho phép Lưu hình ảnh và video hội chẩn trực tiếp trên hệ thống PACS.
XII	Chức năng cổng trả kết quả cho bệnh nhân portal	
1	Quản lý tài khoản bệnh nhân	Quản lý, thay đổi mật khẩu đăng nhập
2	Quản lý truy cập dữ liệu của bệnh nhân	Bệnh nhân xem và quản lý dữ liệu
3	Chức năng tìm kiếm và tra cứu kết quả cho bệnh nhân	Bệnh nhân tìm kiếm và tra cứu kết quả của mình trên hệ thống
4	Chức năng sinh mật khẩu truy cập cho bệnh nhân	Chức năng sinh mật khẩu tự động cho bệnh nhân
5	Giao diện hiển thị kết quả và lịch sử khám bệnh	Giao diện hiển thị đầy đủ thông tin về kết quả và lịch sử khám bệnh của bệnh nhân
6	Giao diện truy xuất hình ảnh cho các lần chụp của bệnh nhân	Giao diện hiển thị đầy đủ hình ảnh cùng công cụ xử lý ảnh cho bệnh nhân
7	Chức năng chia sẻ hình ảnh	Chức năng cho phép bệnh nhân chia sẻ được hình ảnh của mình cho các chuyên gia
XIII	Chức năng quản trị, điều hành tập trung Dashboard	
1	Chức năng hiển thị màn hình điều hành, quản trị tại trung tâm	
		Màn hình hiển thị thống kê theo ngày
		Màn hình hiển thị thống kê, so sánh theo Tuần
		Màn hình hiển thị thống kê, so sánh theo Quý
		Màn hình hiển thị thống kê, so sánh theo Năm

STT	Nhóm chức năng	Chức năng chi tiết
2	Chức năng hiển thị màn hình điều hành, quản trị cho Bác sĩ	
		Màn hình báo cáo dịch vụ trong giờ trực, ngoài giờ trực
		Màn hình báo cáo hiệu suất làm việc của Bác sĩ
		Báo cáo số liệu nội viện
		Báo cáo số liệu liên quan các dịch vụ khác
3	Chức năng lập lịch, phân công công tác	
		Hiển thị danh sách bệnh nhân đã chiếu chụp
		Hiển thị danh sách Bác sĩ có thể nhận ca
		Phân công ca chụp cho Bác sĩ
		Đặt thời gian đọc
		Đánh dấu hoàn thành thực hiện